



Thành viên



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ



Báo cáo Kinh tế Vĩ mô Việt Nam Quý 3 - 2021

**Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)
Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Được thực hiện với sự hỗ trợ của Quỹ Konrad Adenauer Stiftung

Hà Nội, ngày 20/10/2021

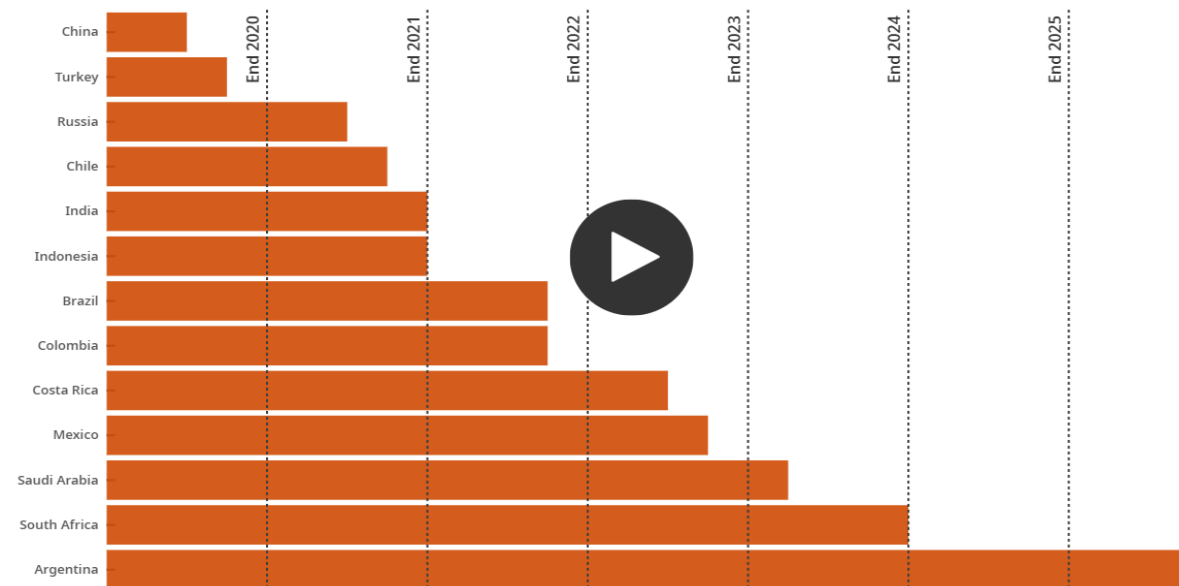
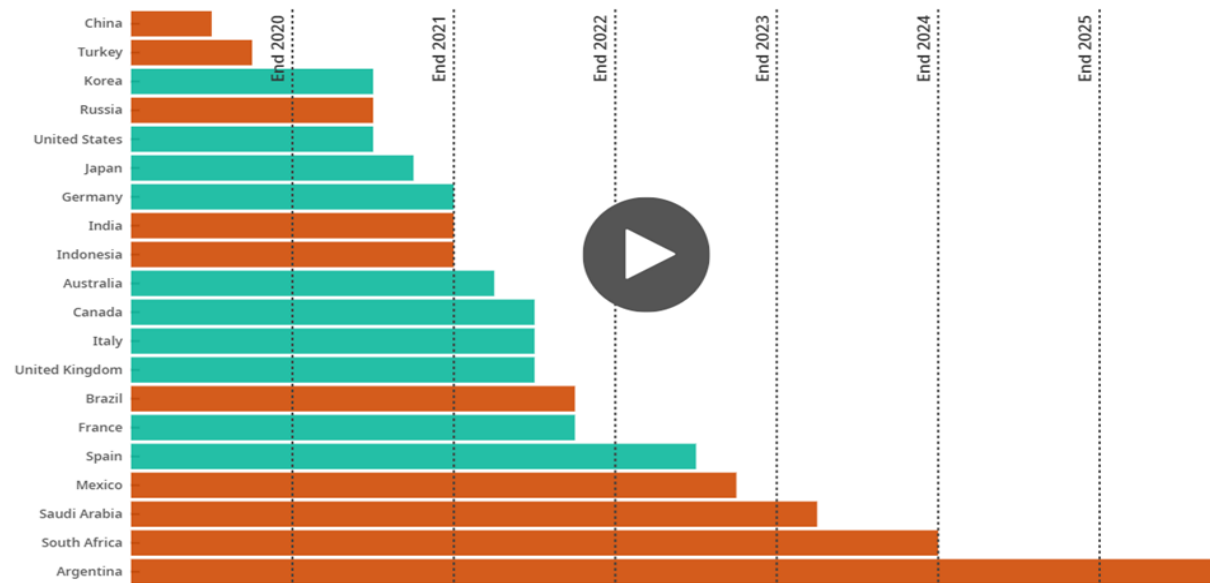
Kinh tế thế giới

Triển vọng kinh tế thế giới

	WEO (10/2021 IMF)			GEP (6/2021, WB)		
	2020e	2021p	2022p	2020e	2021p	2022p
Thế giới	-3.2	6 (0.0)	4.9 (0.5)	-3.5	5.6(1.5)	4.3(0.5)
Các nền kinh tế phát triển	-4.6	5.6 (0.5)	4.4 (0.8)	-4.7	5.4(2.1)	4.0(0.5)
Mỹ	-3.5	7 (0.6)	4.9 (1.4)	-3.5	6.8(3.3)	4.2(0.9)
Khu vực đồng tiền chung Châu Âu	-6.5	4.6 (0.2)	4.3 (0.5)	-6.6	4.2(0.6)	4.4(0.4)
Anh	-9.8	7 (1.7)	4.8 (-0.3)			
Nhật Bản	-4.7	2.8 (0.5)	3.8 (0.5)	-4.7	2.9(0.4)	2.6(0.3)
Các nước mới nổi và đang phát triển	-2.1	6.3 (0.4)	5.2 (0.2)	-1.7	6.0(0.8)	4.7(0.4)
Nga	-3.0	4.4 (0.6)	3.1 (-0.7)	-3.0	3.2(0.6)	3.2(0.2)
Trung Quốc	2.3	8.1 (0.3)	5.7 (0.1)	2.3	8.5(0.6)	5.4(0.2)
Ấn Độ	-7.3	9.5 (3.0)	8.5 (1.6)	-3.8	4.0(-0.9)	5.0(-0.2)
Brazil	-4.1	5.3 (1.6)	1.9 (-0.7)	4.0	-7.3(2.3)	8.3(2.9)
Nam Phi	-7.0	4.0 (0.9)	2.2 (0.2)	-7.0	3.5(0.2)	2.1(0.4)
ASEAN-5	-3.4	4.3 (0.6)	6.3 (0.2)			
Indonesia	-2.1	3.9 (0.4)	5.9 (0.1)	-2.1	4.4(0)	5.0(0.2)
Malaysia	-5.6	4.7 (1.8)	6.0 (0.0)	-5.6	6.0(-0.7)	4.2(-0.6)
Philippines	-9.6	5.4 (1.5)	7.0 (0.5)	-9.6	4.7(-1.2)	5.9(-0.1)
Thái Lan	-6.1	1.0 (-1.6)	4.5 (-1.1)	-6.1	2.2(-1.8)	5.1(0.4)
Việt Nam	2.9	3.8 (-2.7)	6.6 (-0.6)	2.9	6.6(-0.1)	6.5(0)
Lào	-0.4	2.1 (-2.5)	4.2 (-1.4)	0.4	4.0(-0.9)	4.6(-0.2)
Campuchia	-3.1	1.9 (-2.3)	5.7 (-0.3)	-3.1	4.0(0.0)	5.2(0.0)
Myanmar	3.2	-18 (-9.0)	-0.1 (-1.5)	1.7	-10.0(-12)	

Các nước cần bao lâu để khôi phục về mức trước đại dịch?

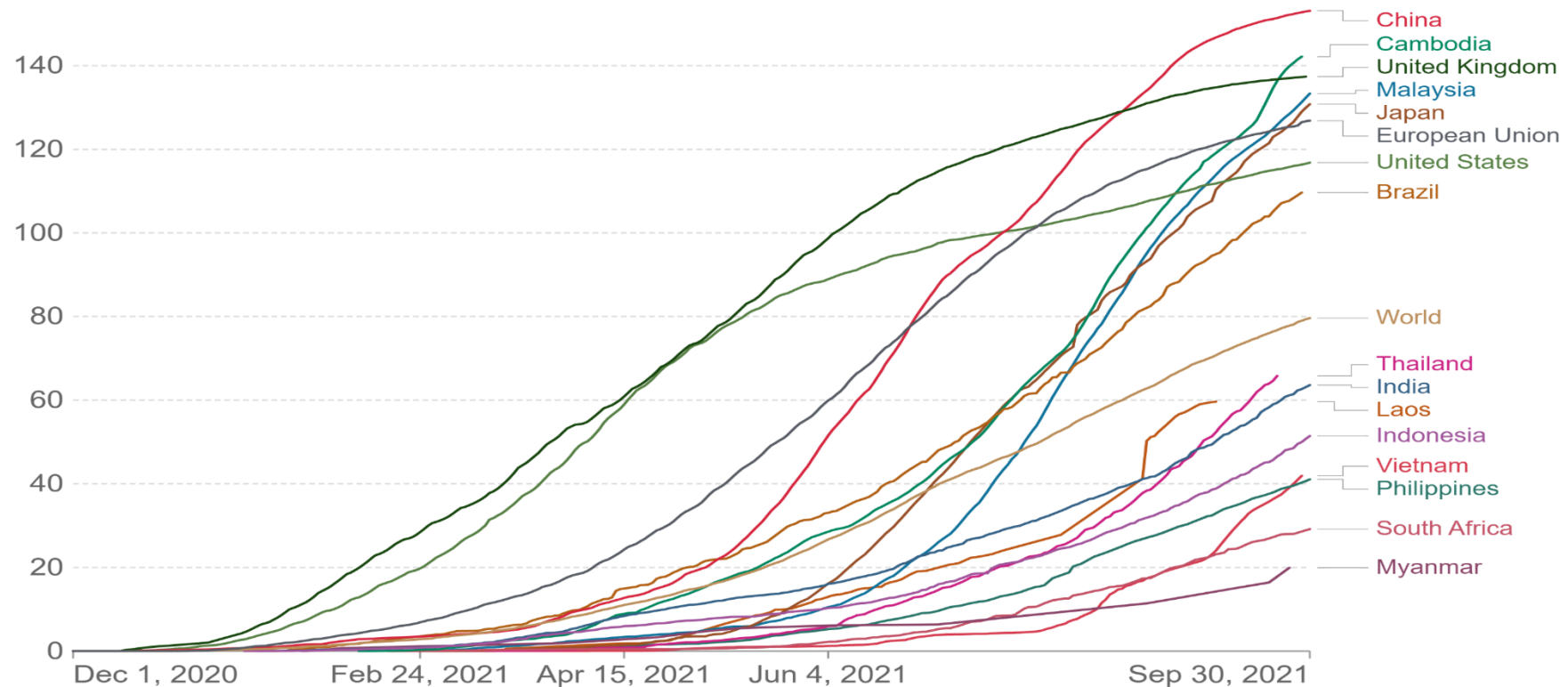
- Dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới đạt 5,9%, giảm 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 06/2021 của IMF
- Một số nước đang hồi phục nhanh hơn các nước khác. Mỹ và HQ đã quay trở lại mức thu nhập trước đại dịch (sau 1,5 năm); châu Âu được dự báo phải mất 3 năm; Mexico và Nam Phi phải mất 3-5 năm;
- Khác với 1 năm trước đây, khó khăn đang rơi vào các nước đang phát triển khi thiếu vaccine và sự lây lan nhanh của biến chủng Delta.



Sự hồi phục kinh tế và tiến độ tiêm chủng vắc-xin ở các nước

- Sự hồi phục của kinh tế thế giới phụ thuộc vào tốc độ tiêm chủng trên diện rộng.
- Việt Nam đang đi chậm hơn so với các nước trên thế giới và trong khu vực.

Số liệu vắc-xin được tiêm trên 100 người dân



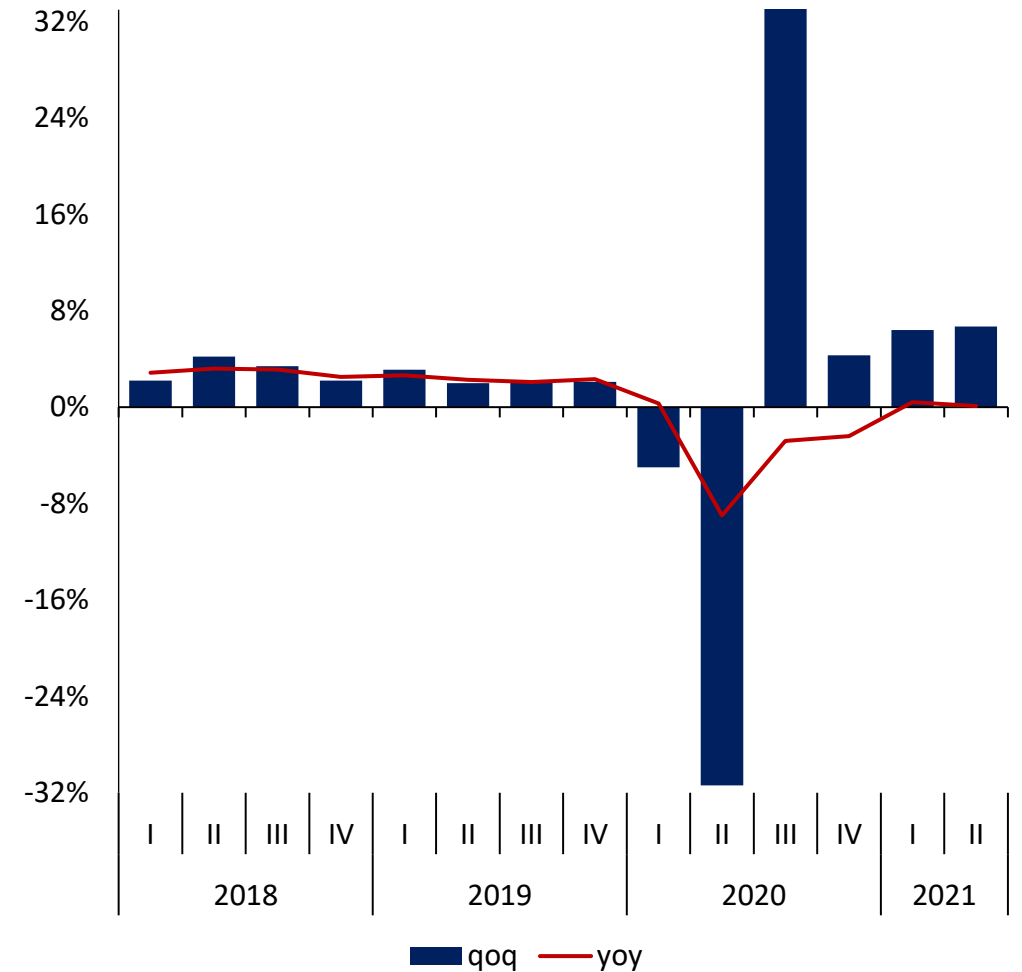
Những nét chính

- Nhiều nền kinh tế trên thế giới đã cho thấy tín hiệu phục hồi trong Quý 2/2021.
- Tuy nhiên, sự xuất hiện của biến chủng virus mới và việc triển khai vaccine còn đình trệ do thiếu nguồn cung là những mối nguy cơ mới dẫn đến sự phục hồi không đồng đều giữa các quốc gia.
- Kinh tế phục hồi nhanh hơn dự kiến đã khiến giá cả nhiều hàng hóa đồng loạt tăng cao do chuỗi cung ứng không đáp ứng kịp xu hướng tăng nhanh của nhu cầu và thương mại hàng hóa thế giới.
- Thương mại hàng hóa tăng trở lại nhưng thương mại dịch vụ chưa hồi phục. Những nước tham gia sâu vào chuỗi cung ứng hưởng lợi (cung cấp trang thiết bị y tế, thuốc men và thiết bị công nghệ thông tin,...); những nước dựa nhiều vào dịch vụ (du lịch, khách sạn) chậm hồi phục.
- Các chính sách tập trung vào việc vượt qua khủng hoảng tiếp tục được thực hiện, bao gồm: chi tiêu cho hệ thống chăm sóc y tế, hỗ trợ tài khóa cho các đối tượng bị ảnh hưởng, duy trì chính sách tiền tệ thích ứng đi kèm kiểm soát rủi ro hệ thống.

Chính sách thúc đẩy kinh tế của các quốc gia trong nửa đầu năm 2021

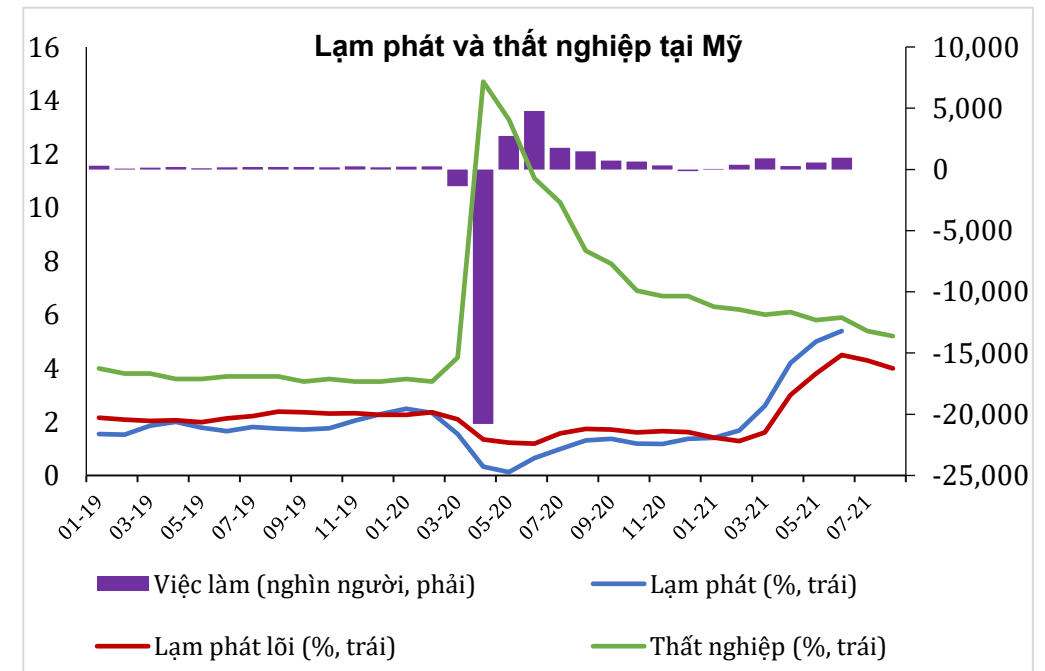
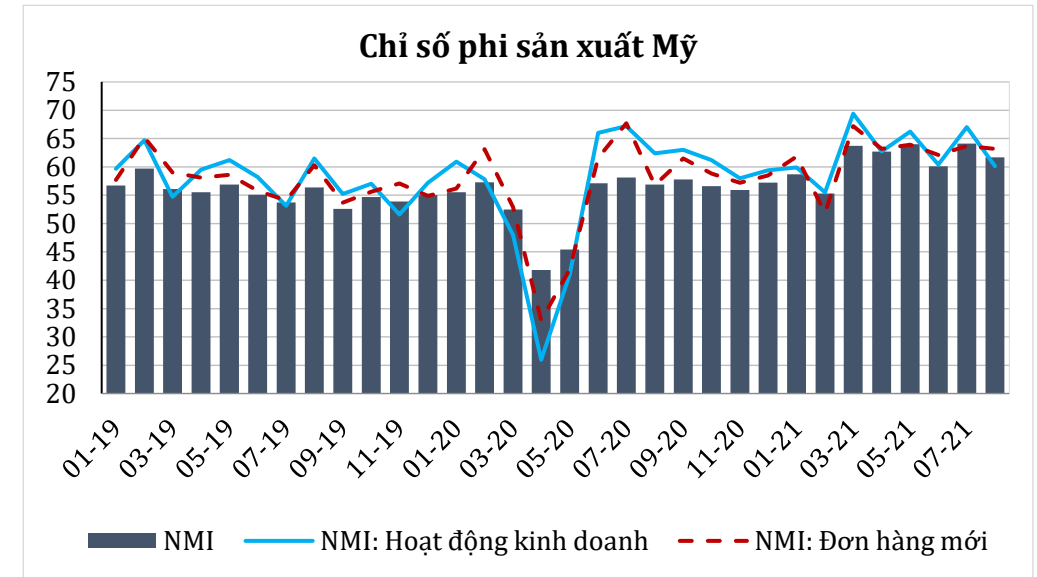
Mỹ

- Kinh tế Mỹ tăng trưởng 6.70% (yoy) và 0.10% (qoq) trong Q2/2021
- Trong dự báo mới nhất của IMF (tháng 10/2021), nền kinh tế Mỹ sẽ tăng trưởng ở mức 6.0% trong năm 2021, thấp hơn 1 điểm phần trăm so với dự báo trước đó vào tháng 6/2021.



Mỹ

- Kết thúc tháng 9/2021, lạm phát đạt mức 5,39%, lạm phát lõi đạt 4,03%.
- NMI tiếp tục ở trên mức 60% trong Quý 3, nhờ vào đại dịch được kiểm soát tốt, hoạt động kinh doanh tiếp tục mở cửa, nhu cầu đơn hàng mới phục vụ dịp mua sắm cuối năm tăng mạnh.
- Số lượng việc làm mới giảm mạnh xuống còn 235 nghìn việc làm vào tháng Tám, do việc làm trong ngành bán lẻ giảm mạnh trong tháng.



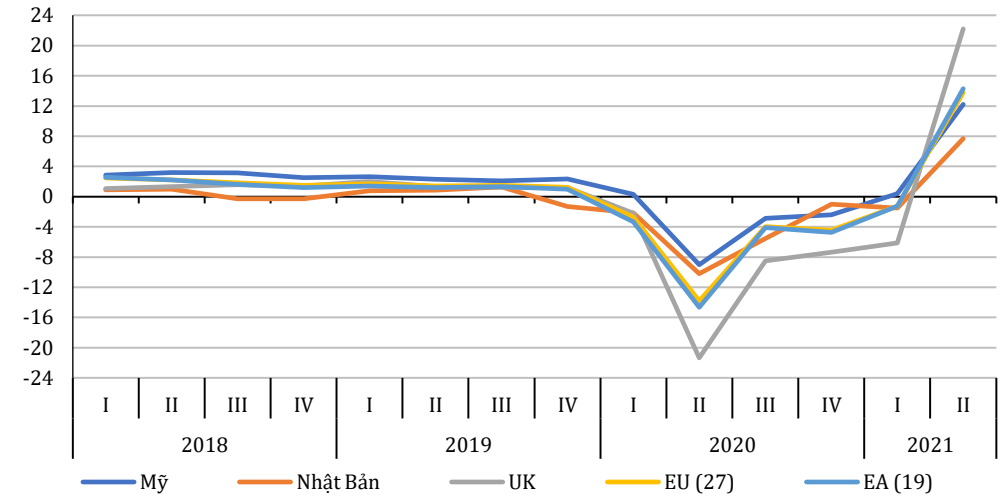
Mỹ

- Nhằm chống lại ảnh hưởng từ dịch bệnh:
 - Fed hạ lãi suất xuống mức 0-1,4% vào tháng 3/2020 và dự định giữ mức lãi suất này cho tới năm 2023.
 - Vào ngày 11 tháng 3 năm 2021, Tổng thống Mỹ mới đắc cử, Joe Biden, đã ký thông qua gói hỗ trợ mới trị giá 1,9 nghìn tỷ USD, nhằm chi trả hỗ trợ tiền mặt lên tới 1,400 USD, gia hạn mức bảo hiểm thất nghiệp 300 USD tới tháng Chín, tăng mức tín dụng thuế cho trẻ em và hỗ trợ đẩy mạnh tiêm chủng vaccine.
 - Chiến dịch tiêm chủng vaccine phòng ngừa COVID-19 đạt hiệu quả tích cực. Cho đến cuối tháng Sáu, 47,2% dân số quốc gia này đã được tiêm chủng đầy đủ và 55,0% đã hoàn thành ít nhất một liều vaccine.

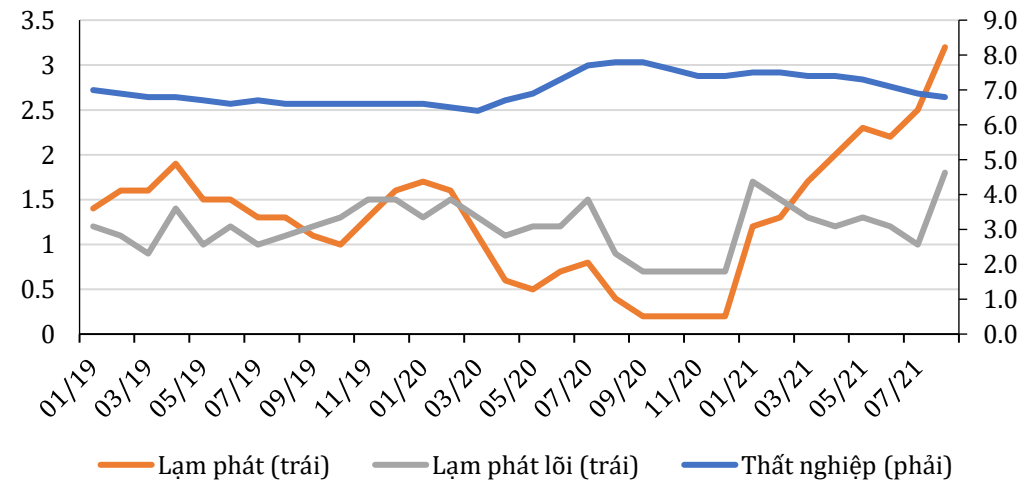
Châu Âu

- Trong Quý 2/2021, kinh tế Châu Âu phục hồi mạnh mẽ, đạt mức tăng trưởng 13.8% (yoy), nhờ vào các biện pháp nới lỏng các biện pháp ngăn chặn bùng phát COVID-19.
- Tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng giảm kể từ tháng 3 (đạt 7.4%) cho đến tháng 8/2021 (đạt 6.8%)
- Lạm phát tại EU27 tăng mạnh kể từ tháng 01 (ở mức 1.2% (yoy)) cho đến tháng 05

Tăng trưởng kinh tế một số nền kinh tế phát triển (% , yoy)



Thất nghiệp và lạm phát các nước EU27 (%)



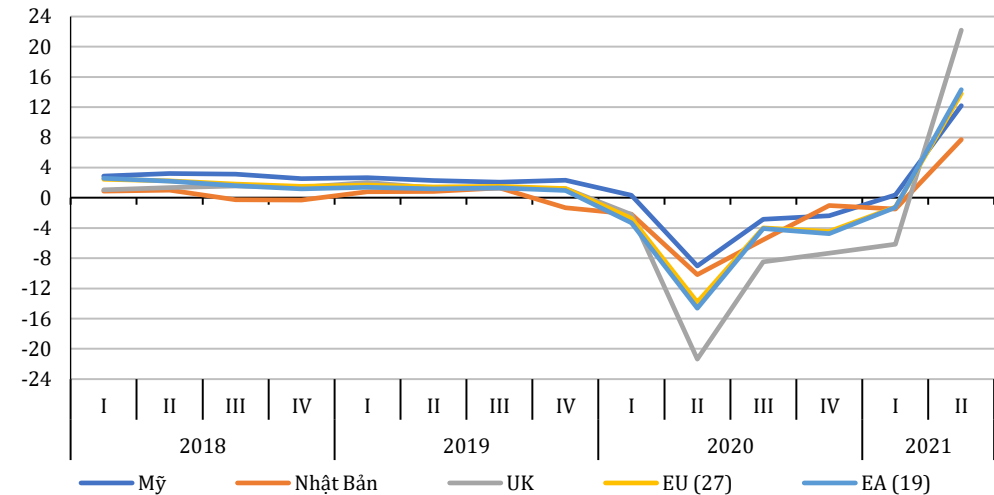
Châu Âu

- Trong cuộc họp thường kỳ diễn ra ngày 09/09/2021, nhằm chống lại tác động từ dịch bệnh
 - Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã quyết định giữ nguyên mức lãi suất từ âm 0,5% đến 0%
 - Tiếp tục tái đầu tư các khoản thanh toán gốc từ chứng khoán đáo hạn được mua ròng theo chương trình mua tài sản (APP) với tốc độ hàng tháng 20 tỷ EUR
 - ECB sẽ tiếp tục mua tài sản ròng theo chương trình mua sắm khẩn cấp cho đại dịch (PEPP) với tổng giá trị 1,85 nghìn tỷ EUR và dự kiến kéo dài chương trình ít nhất đến hết tháng 03/2022 và tiếp tục tái đầu tư các khoản thanh toán gốc từ chứng khoán đáo hạn được mua theo PEPP cho đến ít nhất là cuối năm 2023.
 - Tiếp tục cung cấp thanh khoản dồi dào thông qua các hoạt động tái cấp vốn dài hạn có mục tiêu thứ ba (TLTRO III)

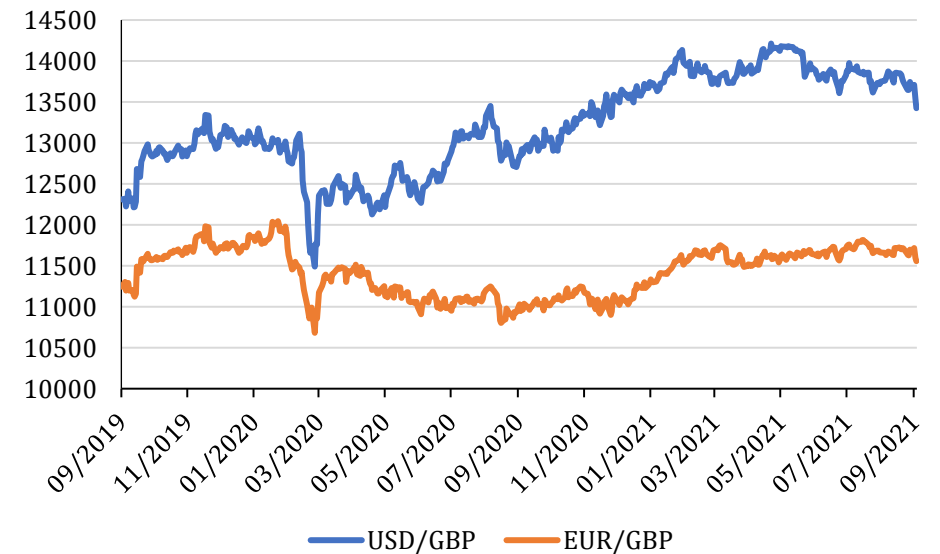
Anh

- Tỷ giá đồng EUR so với GBP nhìn chung không có nhiều biến động trong Quý 3/2021. Trong khi đó, tỉ giá giữa đồng USD và GBP biến động mạnh trong tháng 7 và bắt đầu lao dốc mạnh vào cuối tháng 9.
- Nhờ nới lỏng các biện pháp hạn chế COVID-19, nền kinh tế Anh tăng trưởng mạnh, đạt mức 22.2% (yoy), trong Quý 2/2021.
- Việc triển khai tiến độ tiêm chủng vaccine hiệu quả cùng với những chính sách hỗ trợ của chính phủ trong thời điểm hiện tại được kì vọng sẽ giúp đẩy tăng trưởng kinh tế Anh trong nửa những tháng cuối năm.
- Dự báo tăng trưởng của nền kinh tế trong năm 2021 là 6,8%, giảm 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trước đó của IMF vào tháng 6/2021.

Tăng trưởng kinh tế một số nền kinh tế phát triển (% ,yoy)



Tỷ giá đồng USD và EUR so với GBP



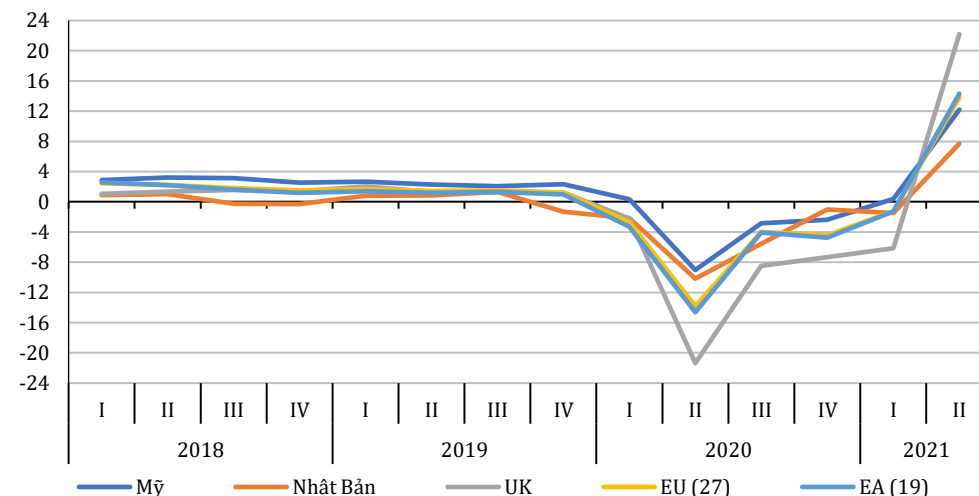
Anh

- Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) tiếp tục giữ mức lãi suất 0,1%
- BoE tiếp tục duy trì chương trình mua trái phiếu doanh nghiệp cấp đầu tư phi tài chính ở mức 20 tỷ bảng Anh.
- Chính phủ Anh cũng tiếp tục đưa ra gói hỗ trợ tài chính mới cho người lao động (0,68 tỷ USD) và doanh nghiệp (6,2 tỷ USD) bên cạnh các chương trình đảm bảo cho vay doanh nghiệp và các biện pháp hỗ trợ giãn nợ vay mua nhà để làm giảm đáng kể gánh nặng tài chính cho các công ty và hộ gia đình.

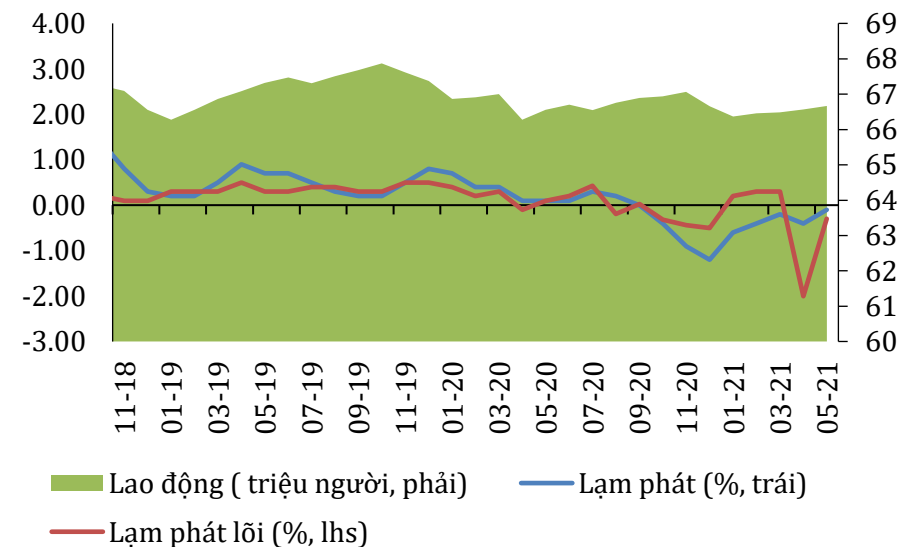
Nhật Bản

- Trong Quý 2/2021, Nhật Bản hồi phục kinh tế, đạt 7,7% (yoy), do đầu tư doanh nghiệp và tiêu dùng các nhân tăng trở lại sau ảnh hưởng của đại dịch.
- Tỷ lệ lạm phát có xu hướng giảm trong Quý 3 do giá lượng thực và chi tiêu cho giao thông giảm.
- Tỷ lệ việc làm cần tuyển trên số ứng viên xin việc trong Quý 3 vẫn giữ đà tăng từ các quý trước.
- Trong Quý 3/2021, chỉ số sản xuất công nghiệp giảm, đạt 95 điểm vào cuối tháng Tám do dịch Covid tái bùng phát.

Tăng trưởng kinh tế một số nền kinh tế phát triển (% ,yoy)



Lạm phát và việc làm tại Nhật Bản

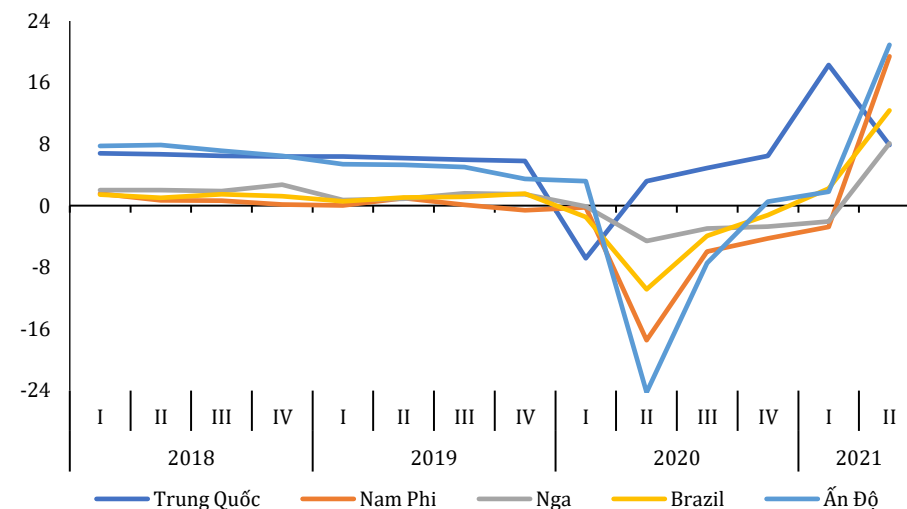


Nhật Bản

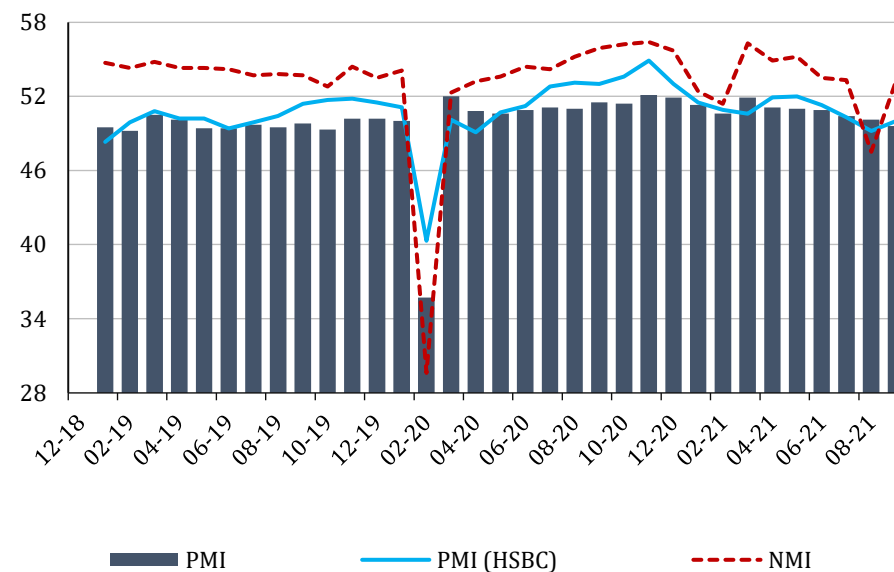
- Trong cuộc họp ngày 22/09/2021, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản quyết định tiếp tục giữ chính sách nới lỏng tiền tệ thông qua việc đặt lãi suất ngắn hạn ở mức âm 0,1% và lãi suất trái phiếu chính phủ 10 năm ở mức khoảng 0%, đến khi nào đạt mục tiêu lạm phát 2% và hỗ trợ nền kinh tế.
- BoJ tiếp tục thực hiện mua thêm tài sản bao gồm trái phiếu chính phủ; mua ETFs và J-REITs trị giá 12 nghìn tỷ JPY và 180 tỷ JPY, đồng thời mua thêm thương phiếu và trái phiếu doanh nghiệp với định mức 20 nghìn tỷ JPY cho tới hết tháng Ba năm 2022.
- Chính phủ Nhật Bản bổ sung thêm gói tài trợ vốn vay lãi suất 0% đối với doanh nghiệp vay vốn với mục đích ứng phó biến đổi khí hậu kéo dài cho đến tháng 03/2023 đồng thời cũng tiếp tục triển khai gói cứu trợ Biện pháp Kinh tế Toàn diện để Đảm bảo Cuộc sống và Sinh kế của Người dân hướng tới Cứu trợ và Hy vọng

Trung Quốc

- Kinh tế Trung Quốc trong Quý 2/2021 tiếp tục phục hồi với mức tăng trưởng GDP 7,9% (yoy).
- Trong Quý 3/2021, PMI có xu hướng giảm, kết thúc ở mức dưới 50 điểm vào cuối tháng Chín do tình trạng thiếu điện buộc nhiều nhà máy phải giảm một nửa công suất.

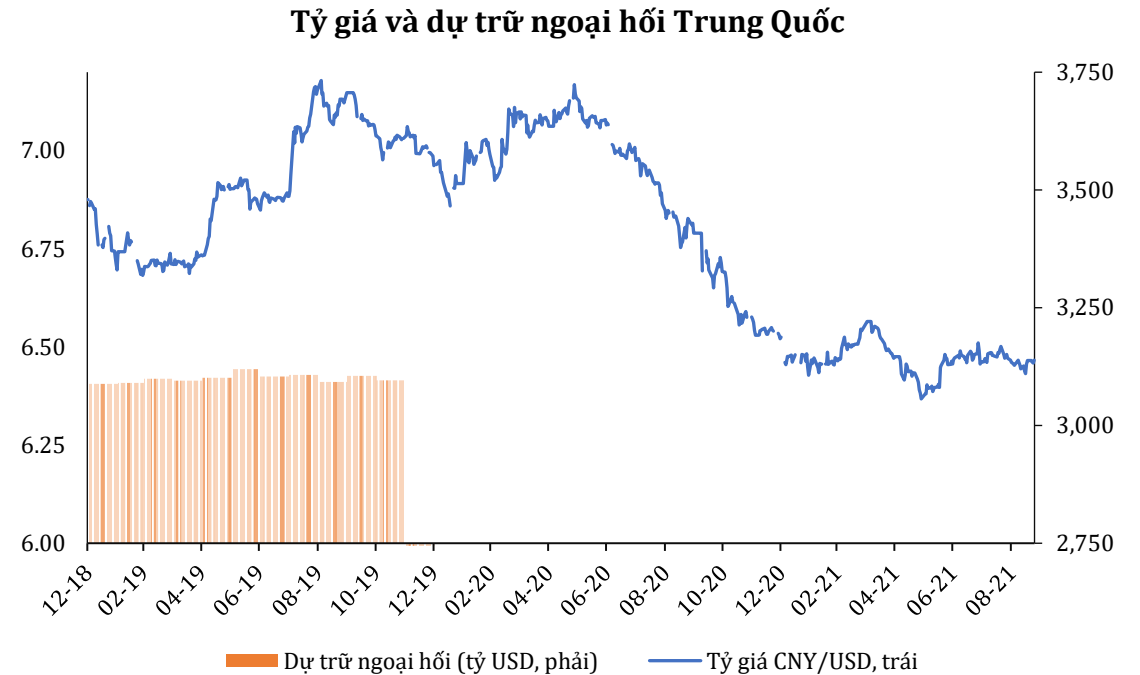


PMI và NMI Trung Quốc



Trung Quốc

- Trong Quý 3/2021, tỷ giá giữa CNY và USD tương đối ổn định trong tháng 7/2021, biến động nhẹ trong tháng 8 và bắt đầu giảm mạnh vào cuối tháng 9/2021.
- Để kiềm chế đà tăng giá của đồng CNY, PBoC quyết định nâng tỷ lệ dự trữ ngoại hối bắt buộc của các ngân hàng từ 5% lên 7% bắt đầu từ ngày 15/7.
- Tỷ giá CNY/USD kết thúc ở mức 6,456 CNY/USD vào cuối tháng Chín.

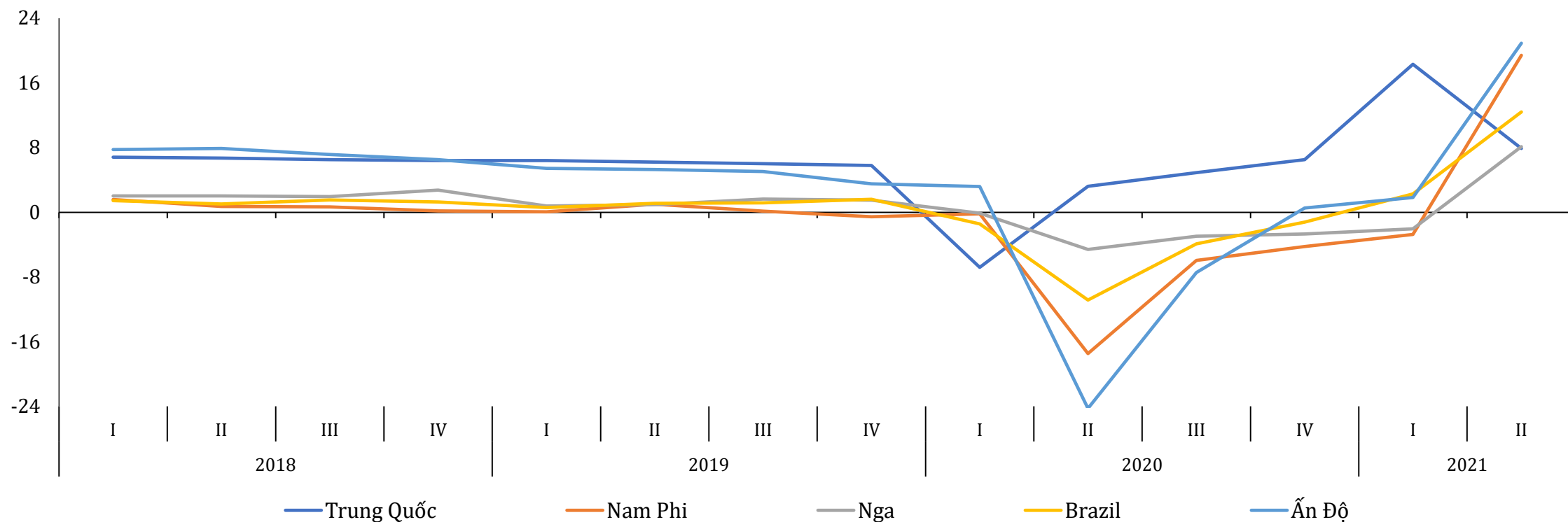


Trung Quốc

- Mối lo ngại về kinh tế Trung Quốc giảm tốc cùng nguy cơ vỡ nợ của Evergrande, trong tháng Chín, PBoC đã bơm ròng 116 tỷ USD vào thị trường tài chính.
- Vào ngày 08/10/2021, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã bơm tổng cộng 10 tỷ CNY vào reverse repos trong 7 ngày với lãi suất 2,2 nhằm duy trì tính thanh khoản hợp lý và đầy đủ của hệ thống ngân hàng.
- Trước tình hình các công ty nhỏ đang phải gánh chịu ảnh hưởng từ giá nguyên liệu thô tăng mạnh gần đây, PBoC đưa ra thông báo sẽ cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc thêm 50 bps từ ngày 15/7/2021.
- PBoC tiếp tục thực hiện chương trình tái vay trị giá 500 tỷ RMB và tái vay đặc biệt trị giá 300 tỷ RMB, đồng thời chi 1 nghìn tỷ RMB cho các chính sách tái vay và tái chiết khấu tiếp theo.

Khối BRICS

- Trong Quý 1/2021, kinh tế các nước BRICS có sự cải thiện so với Quý 3. Tuy nhiên, Nam Phi và Nga vẫn tiếp tục suy giảm kinh tế do ảnh hưởng của đại dịch.



Khối BRICS: Ấn Độ

- Trái với dự báo bi quan do các diễn biến phức tạp của dịch bệnh trong Quý 2/2021, nền kinh tế Ấn Độ tăng trưởng mạnh ở mức 20,9% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng trưởng này dựa trên mức tăng trưởng thấp của Quý 2/2020 (đạt -24,24% (yoy))
- Ngân hàng dự trữ Ấn Độ cũng quyết định giữ nguyên lãi suất repo ở mức 4%, lãi suất reverse repo xuống còn 3,35% khi các ngân hàng thương mại gửi tiền vào Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ (RBI), cho phép giãn nợ ba tháng đối với các ngân hàng thương mại, đồng thời giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc tại các ngân hàng thương mại xuống mức 3% và duy trì mức này cho tới hiện tại.

Khối BRICS: Nga

- Trong Quý 2/2021, kinh tế Nga tăng trưởng 8,1% (yoy) nhờ sự phục hồi của giá năng lượng cùng nhu cầu tiêu dùng của người dân.
- Về chính sách tiền tệ, ngân hàng trung ương Nga này đã tăng lãi suất 25 bps lên 6,75% trong cuộc họp vào tháng Chín do ảnh hưởng từ giá đồng Rup và giá dầu thô.
- Chính phủ Nga đưa ra một số hỗ trợ tài khóa như gói hỗ trợ 300 tỷ RUB dành cho người dân mất việc do ảnh hưởng của các biện pháp phong tỏa cùng đề xuất tăng mức lương tối thiểu trên 13.600 Rup cho gần ba triệu lao động.

Khối BRICS: Nam Phi

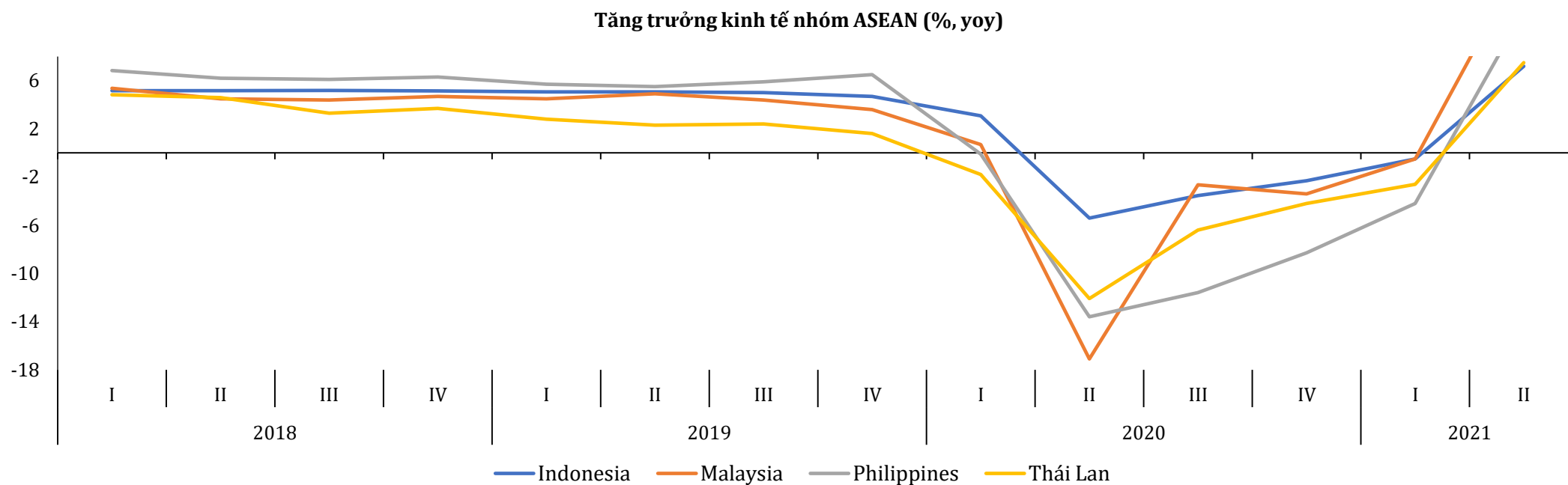
- Kinh tế Nam Phi tăng trưởng trở lại trong Quý 2/2021 đạt mức 19,4% (yoy) nhờ tăng trưởng ở ngành công nghiệp, vận tải và thương mại.
- Ngân hàng Dự trữ Nam Phi giữ nguyên lãi suất repo ở mức 3,5% trong cuộc họp tháng 09/2021.

BRICS: Brazil

- Kinh tế Brazil Quý 2/2021 có mức tăng trưởng 12,4% (yoy), nhờ sự phục hồi ở lĩnh vực dịch vụ.
- Cuối tháng 9/2021, ngân hàng trung ương Brazil đã nâng lãi suất SELIC đã tăng lên 6,25% nhằm đạt được mục tiêu lạm phát 4,1% trong năm 2022.
- Về chính sách tài khóa, đầu tháng Ba, chính phủ thông qua việc gia hạn 7,9 tỷ USD viện trợ khẩn cấp cho hàng triệu người Brazil đang gặp khó khăn trong bối cảnh đại dịch COVID-19.

Khối ASEAN

- Nền kinh tế các quốc gia ASEAN-4 khởi sắc trong Quý 2/2021.



Khối ASEAN: Indonesia

- Kinh tế ở Indonesia tăng trưởng trở lại trong Quý 2/2021, đạt mức 7,2% (yoy), phần lớn nhờ sự gia tăng trong chi tiêu hộ gia đình, chi tiêu cho lễ kỉ niệm Eid-ul Fitr và hoạt động xuất khẩu.
- Tháng 09/2021, Ngân hàng Trung ương Indonesia tuyên bố giữ nguyên lãi suất mua lại đảo ngược (reverse repurchase rate) trong 7 ngày ở 3,5% nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, duy trì sự ổn định tỷ giá hối đoái
- Chính phủ thông báo nâng mức ngân sách cho chương trình phục hồi kinh tế quốc gia (PEN) lên mức 699,4 nghìn tỷ IDR, tăng mức hỗ trợ cho y tế lên 173,3 nghìn tỷ IDR, bao gồm ngân sách cho chương trình tiêm chủng vaccine.

Khối ASEAN: Philippines

- Trong Quý 2/2021, tăng trưởng kinh tế của Philippines đạt 11,8% (yoy), do ngành công nghiệp tăng trưởng tốt (sản lượng than cốc và các sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng mạnh).
- Ngân hàng trung ương Philippines giữ lãi suất repo qua đêm chủ chốt ổn định ở mức thấp kỷ lục 2% vào ngày 23/9/2021.

Khối ASEAN: Thái Lan

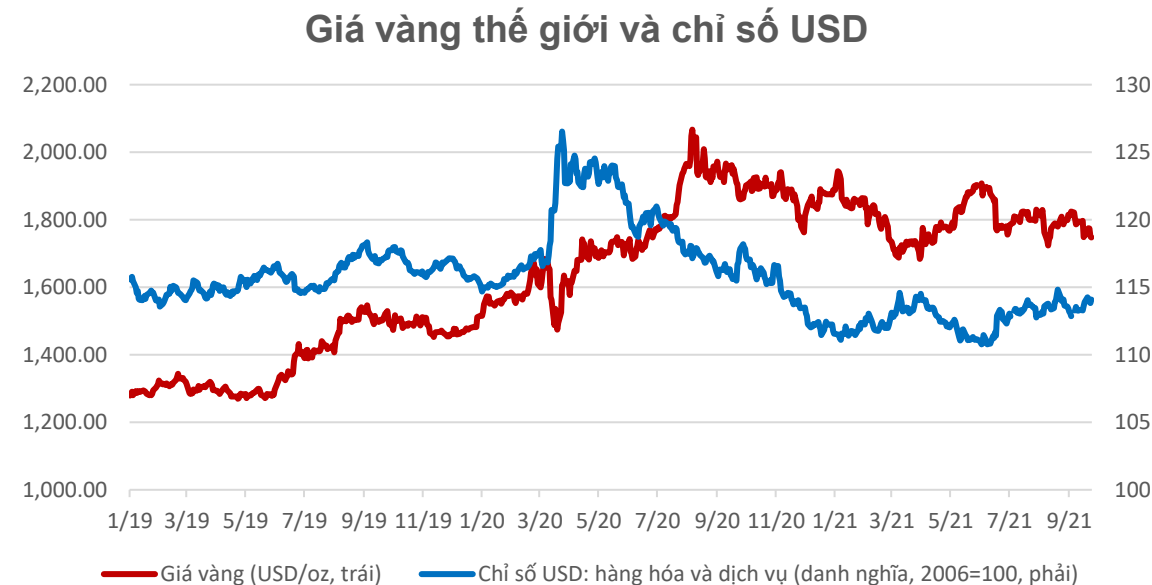
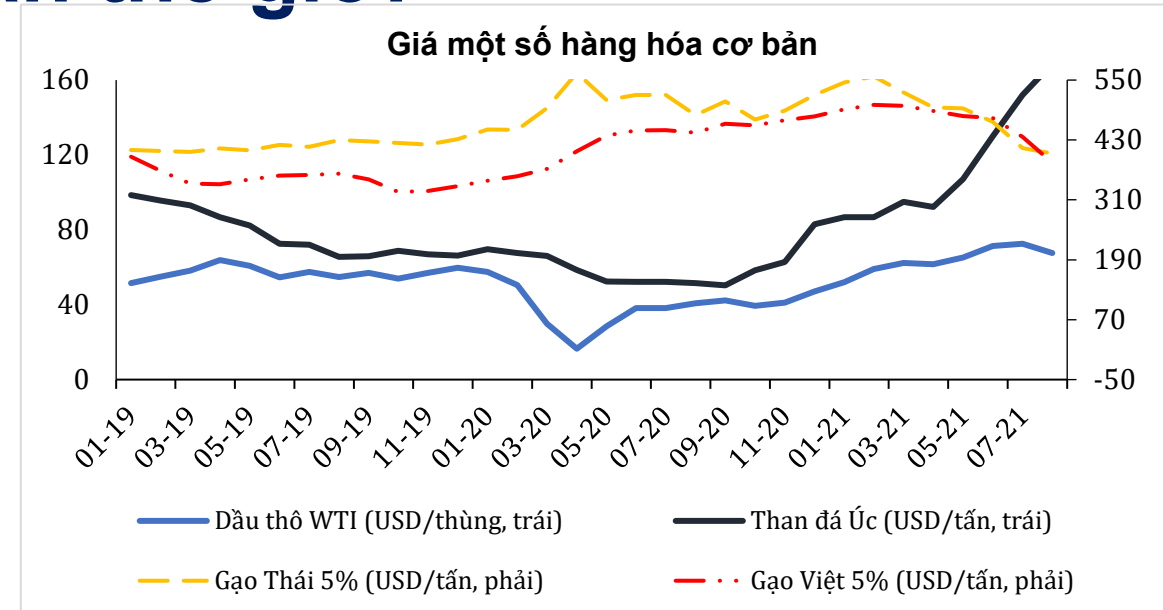
- Tăng trưởng kinh tế Thái Lan trong Quý 2/2021 đạt 7,5% (yoy) nhờ vào chi tiêu chính phủ và xuất khẩu tăng trưởng tốt.
- Ngân hàng Thái Lan tiếp tục giữ lãi suất điều hành ở mức 0,5%.
- Các hạn chế chống lại đại dịch tiếp tục được nới lỏng bao gồm giảm số ngày cách ly bắt buộc dành cho du khách quốc tế và miễn cách ly cho khách quốc tế đã tiêm vaccine tới tham quan tại nhiều điểm du lịch lớn của Thái Lan nhằm thúc đẩy sự hồi phục của nền du lịch

Khối ASEAN: Malaysia

- Kinh tế Malaysia tăng trưởng 16,1% (yoy) trong Quý 2/2021.
- Ngân hàng Negara Malaysia quyết định không thay đổi lãi suất chính sách qua đêm chủ chốt ở mức thấp kỷ lục 1,75% vào ngày 09/09/2021, tỷ lệ dự trữ bắt buộc trong các ngân hàng thương mại xuống mức 2% do lo ngại môi trường kinh tế thế giới bất ổn.

Thị trường hàng hóa và tài sản thế giới

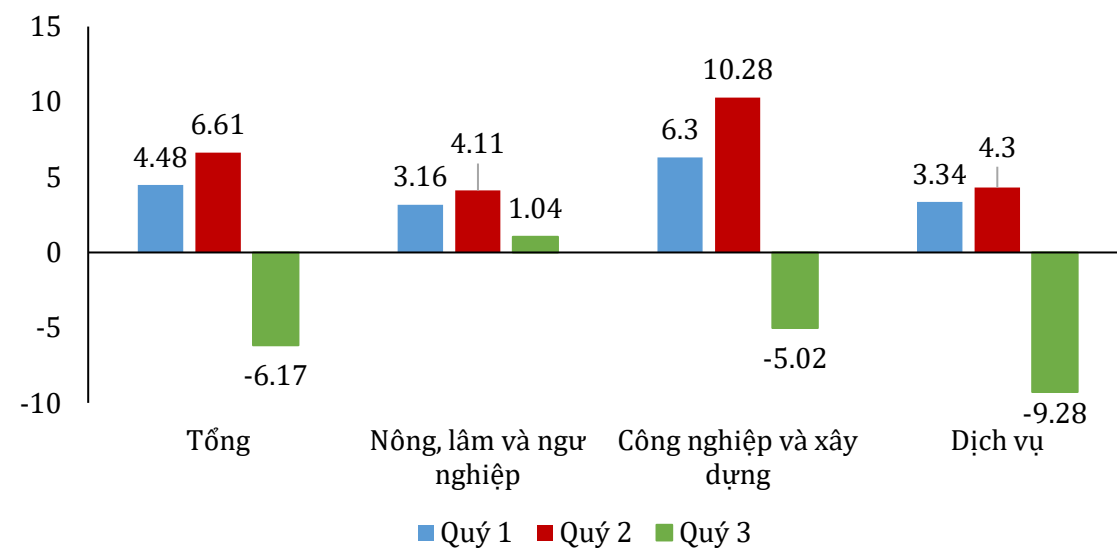
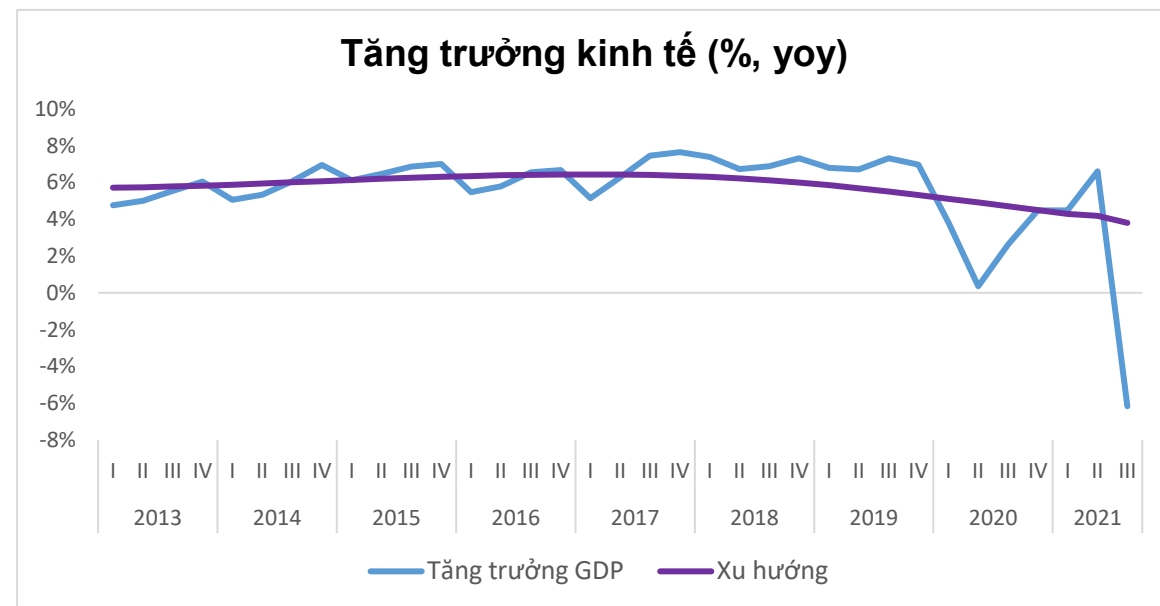
- Giá dầu thô tiếp tục đà leo thang từ đầu năm, tăng từ 52,1 USD/thùng vào tháng Một lên 71,6 USD/thùng vào tháng Chín (tăng 37% so với đầu năm 2021) do thiếu nguồn cung cùng cầu tăng mạnh
- Giá than đá Úc tăng đáng kể trong Quý 3/2021 ở mức 185.7 USD/tấn, tăng 114% so với đầu năm do cầu tăng mạnh
- Giá gạo Thái Lan và Việt Nam lần lượt giảm xuống còn 400 USD/tấn và 387 USD/tấn vào tháng Chín (giảm 26% và 21% so với đầu năm) do đứt đoạn chuỗi cung ứng.
- Giá vàng thế giới trong Quý 3 có xu hướng chững lại.



Kinh tế Việt Nam
Quý 3 và 9 tháng đầu năm 2021

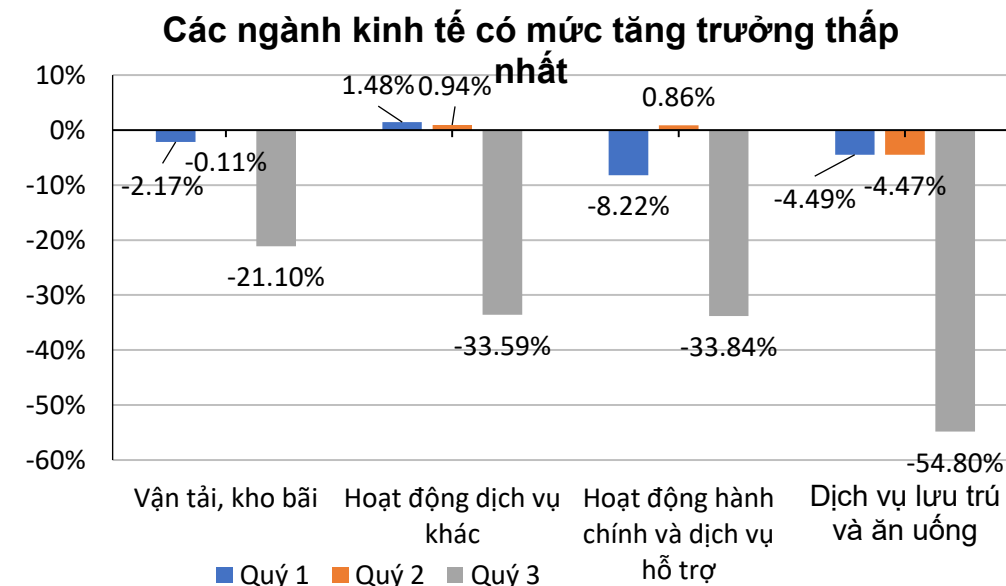
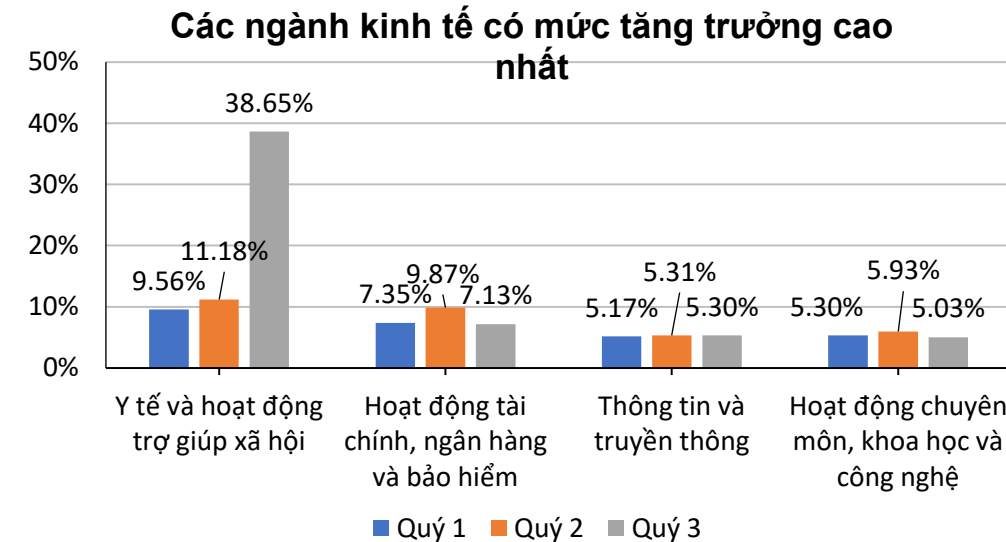
Sản xuất và tăng trưởng

- Trong Quý 3/2021, tăng trưởng kinh tế Việt Nam giảm 6.17% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây.
- Hầu hết các khu vực kinh tế đều sụt giảm mạnh trong Quý 3. Trong đó, ngành công nghiệp và xây dựng giảm 5,02% (yoy), ngành dịch vụ giảm 9,28% (yoy). Riêng ngành nông nghiệp tăng 1,04% (yoy).



Tăng trưởng theo ngành kinh tế

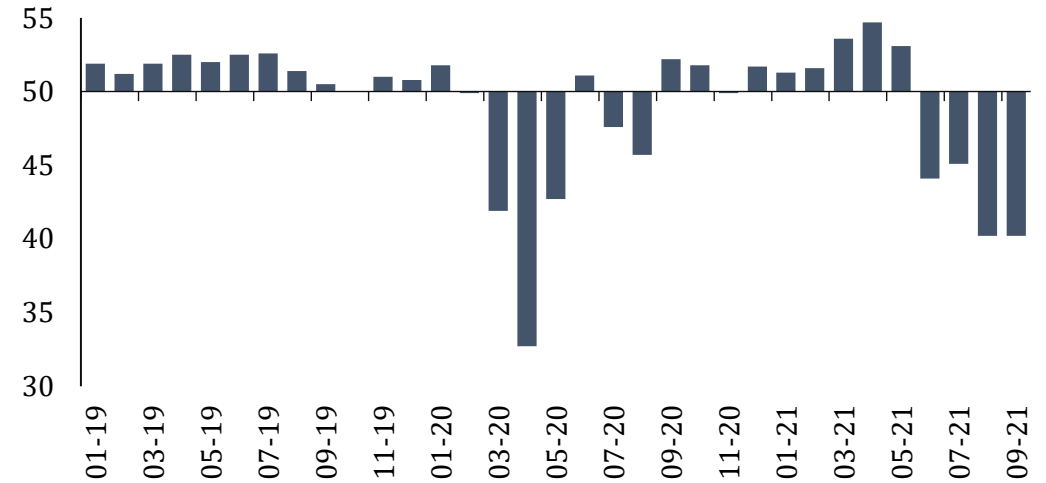
- Tăng trưởng của ngành Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt 38,56% (yoy), cao nhất trong các ngành Quý 3/2021. Các ngành còn lại đều tăng trưởng ở mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.
- Dịch vụ ăn uống là ngành suy giảm mạnh nhất, giảm 54,8% (yoy), do ảnh hưởng bởi Chỉ thị 16.
- Một số ngành dịch vụ khác cũng ghi nhận mức tăng trưởng âm dưới ảnh hưởng của những chính sách hạn chế nhằm đối phó với làn sóng lây nhiễm COVID-19 trên cả nước.



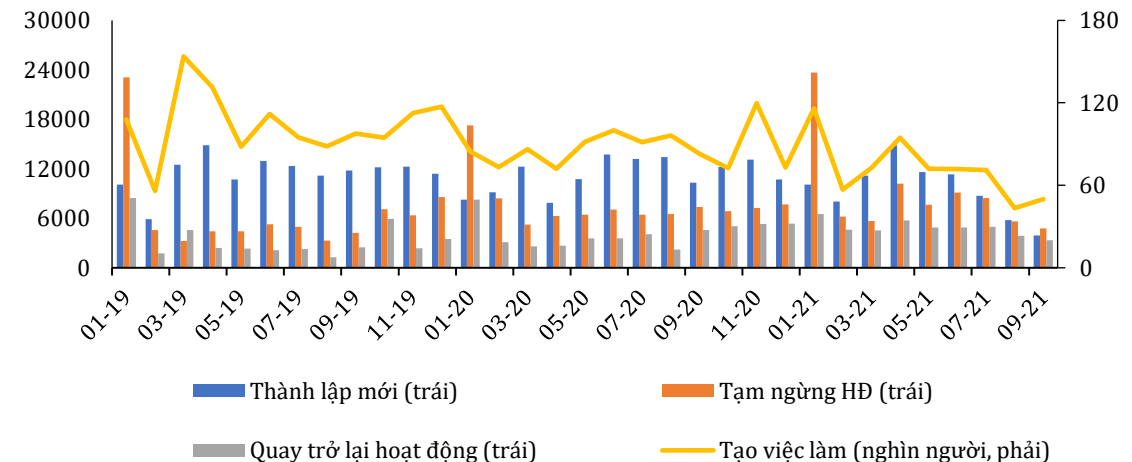
Tình hình doanh nghiệp

- Do tác động của sự bùng phát dịch COVID-19 nên chỉ số PMI của Quý 3/2021 có xu hướng giảm. Kết thúc Quý 3/2021, chỉ số PMI đạt 40,2 điểm.
- Tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong Quý 3/2021 là 36,9 nghìn doanh nghiệp, giảm hơn 50,1% so với cùng năm trước. Số doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động là 18,8 nghìn doanh nghiệp, ít hơn 7,35% so với cùng kỳ năm trước.

PMI Việt Nam

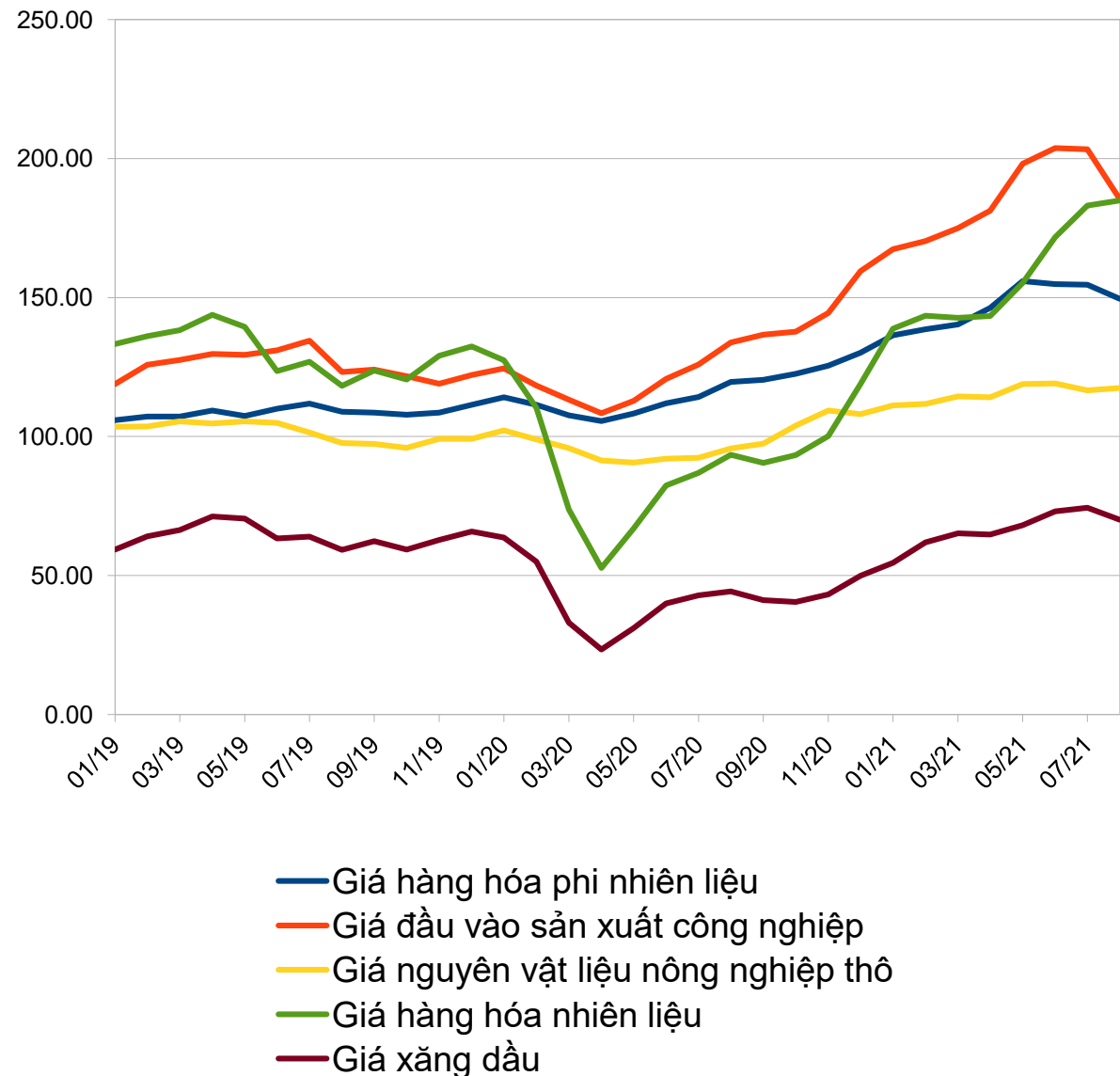


Tình hình hoạt động doanh nghiệp (DN; nghìn người)

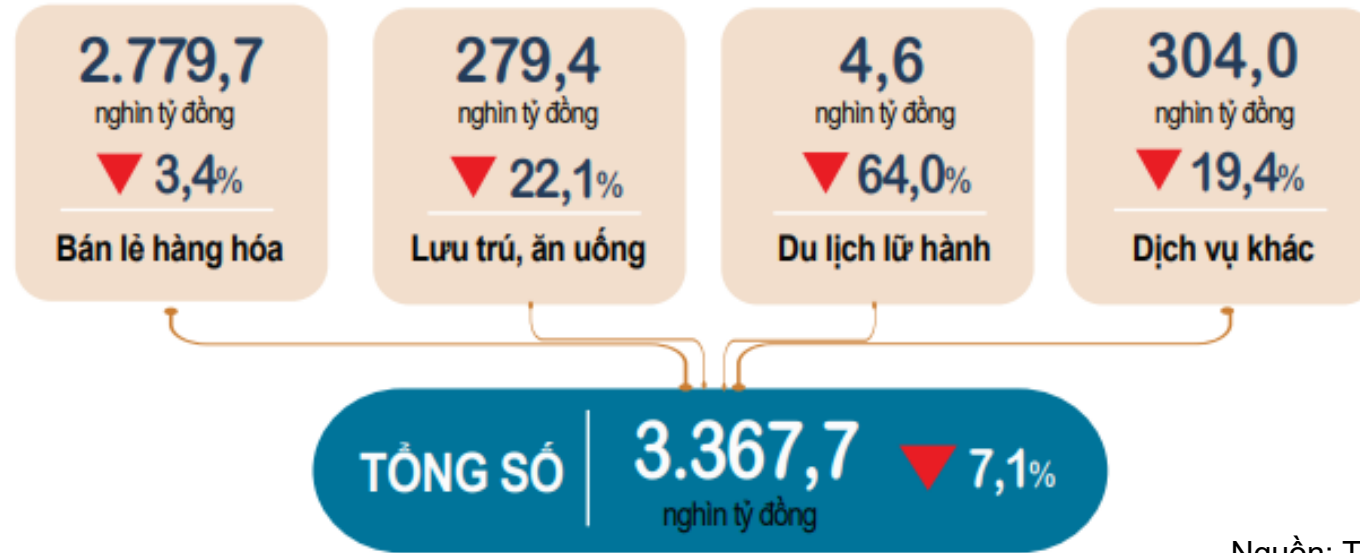


Chi phí sản xuất tăng

- Chi phí sản xuất của các doanh nghiệp tăng mạnh do phải thực hiện các phương án đảm bảo kiểm soát dịch bệnh. Trong đó chi phí xét nghiệm COVID-19 đang là gánh nặng của các doanh nghiệp sản xuất tại các vùng có dịch.
- Tính đến cuối tháng 08/2021, giá hàng hóa nhiên liệu đã tăng 33%, giá xăng dầu tăng 28%, giá nguyên vật liệu nông nghiệp dạng thô tăng 6%, giá hàng hóa đầu vào cho sản xuất công nghiệp tăng 11% và giá hàng hóa phi nhiên liệu tăng 11% so với đầu năm 2021.
- Giá cước vận tải biển tiếp tăng cao trong 9 tháng đầu năm 2021. So với cùng kỳ năm trước, giá vận tải tàu biển đã cao hơn gấp 7-9 lần (tùy địa điểm đến).



Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

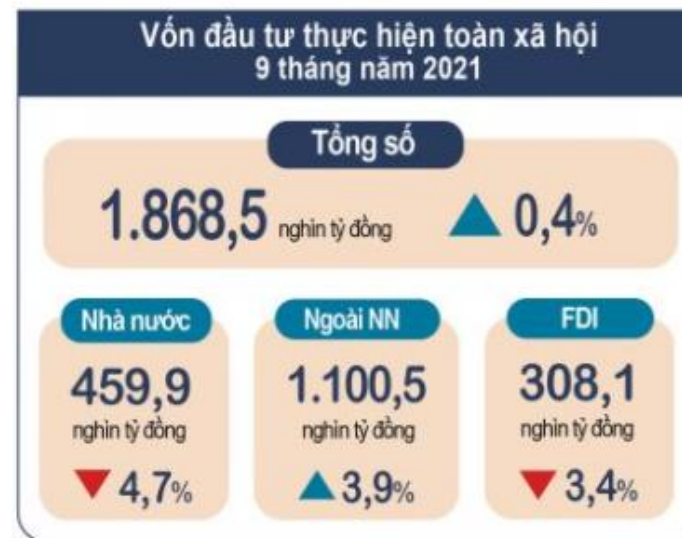


Nguồn: TCTK

- Trong Quý 3/2021, tăng trưởng bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đều lao dốc do các biện pháp nhằm hạn chế dịch bệnh ở mức cao nhất.
- Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 3.367,7 nghìn tỷ đồng, giảm 7,1% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 8,7% (cùng kỳ năm 2020 giảm 5,1%).
- Các ngành dịch vụ và bán lẻ đều sụt giảm do phong tỏa các địa phương theo Chỉ thị 16 và đứt gãy chuỗi cung ứng. Ngành du lịch ảnh hưởng nặng nề nhất khi chỉ đạt 4,6 nghìn tỷ đồng, giảm 64% so với cùng kỳ năm 2020.

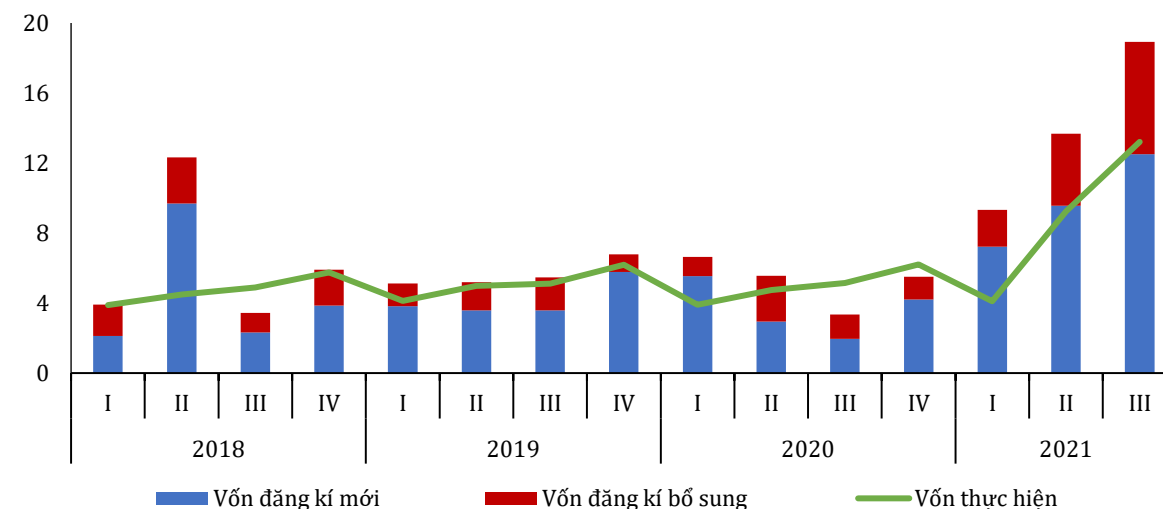
Vốn đầu tư toàn xã hội

- Trong Quý 3/2021, tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 697,2 nghìn tỷ đồng, giảm 9,5% (yoy). Trong đó, vốn khu vực Nhà nước giảm 20,6% (yoy); khu vực kinh tế ngoài Nhà nước giảm 1,4% và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài có mức giảm mạnh nhất là 20,7%.
- Tính trong 9 tháng năm 2021, tổng vốn đầu tư thực hiện chỉ tăng 0,4% (yoy), mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2010 – 2021 do các địa phương áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội làm đứt gãy chuỗi sản xuất và cung ứng của hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- Vốn đầu tư từ FDI đạt 308,1 nghìn tỷ đồng, giảm 3,4% so với cùng kỳ 2020 do các quan ngại về tình hình dịch bệnh cũng như chính sách phòng chống dịch bệnh còn nhiều bất cập tại các địa phương.



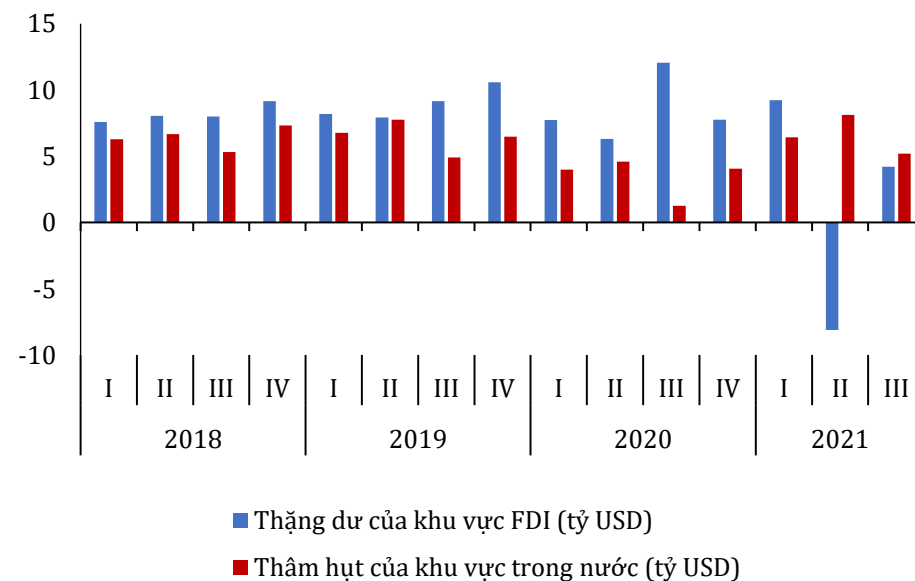
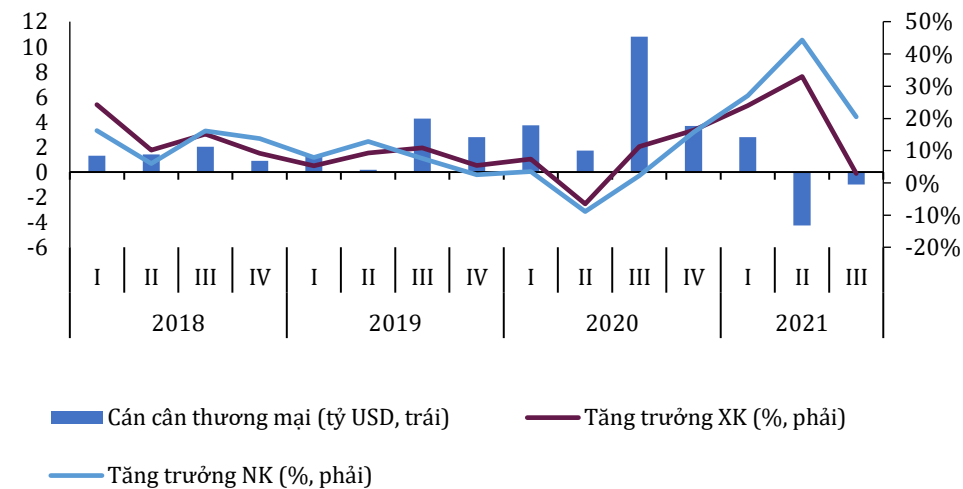
Nguồn: TCTK

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (tỷ USD)



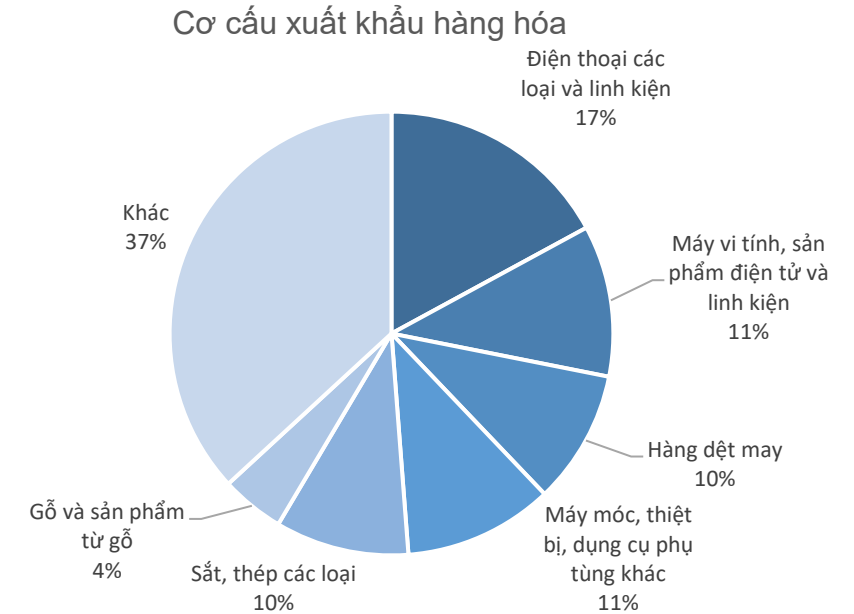
Thương mại quốc tế

- Kim ngạch xuất khẩu trong Quý 3 đạt 82,2 tỷ USD, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020. Kim ngạch nhập khẩu trong Quý 3 đạt 83,8 tỷ USD, tăng 21,5% so với cùng năm trước.
- Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt 240 tỷ USD, tăng 4,1% (yoy); kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam đạt 243 tỷ USD, tăng 30,7% (yoy).
- Cán cân thương mại trong Quý 3 thâm hụt khoảng 0,9 tỷ USD, giảm 108% so với cùng kỳ năm 2020 (cùng kỳ thặng dư 10,8 tỷ USD).
- Tỷ trọng xuất khẩu của một số mặt hàng chủ lực vẫn thuộc về khu vực FDI.

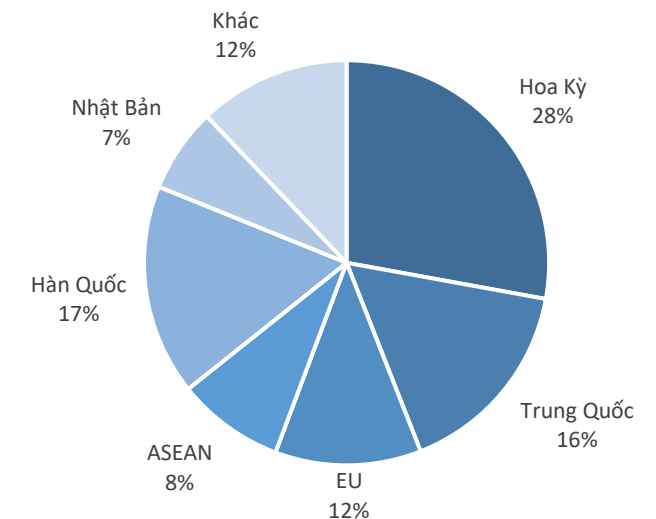


Mặt hàng xuất/nhập khẩu chủ lực

- Trong 9 tháng năm 2021, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 68,87 tỷ USD, tăng 25,8% so với cùng kỳ năm 2020
- Trung Quốc xếp thứ hai với kim ngạch xuất khẩu đạt 38,83 tỷ USD, tăng 19,4% (yoy).
- Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu trong 9 tháng năm 2021 bao gồm Điện thoại và linh kiện đạt 41 tỷ USD, tăng 11,5% (yoy); Máy tính, sản phẩm điện tử đạt 36 tỷ USD, tăng 13,6% (yoy); và Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác đều đạt 26 tỷ USD, tăng 44,1% (yoy).

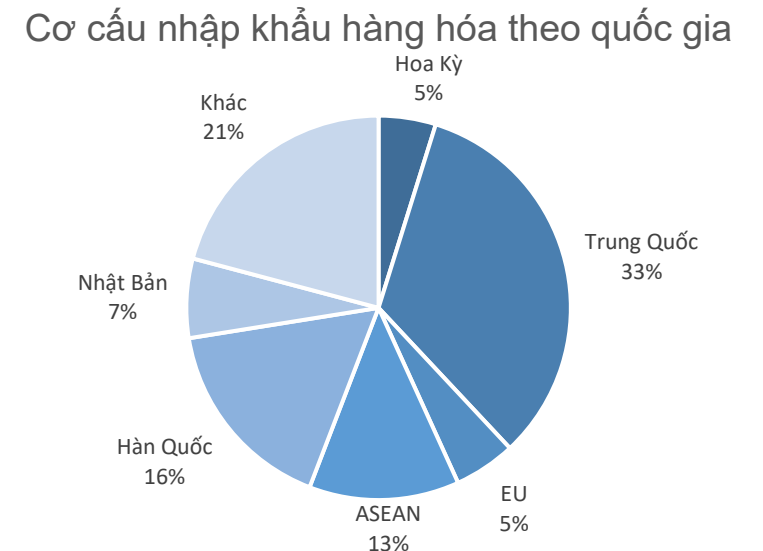
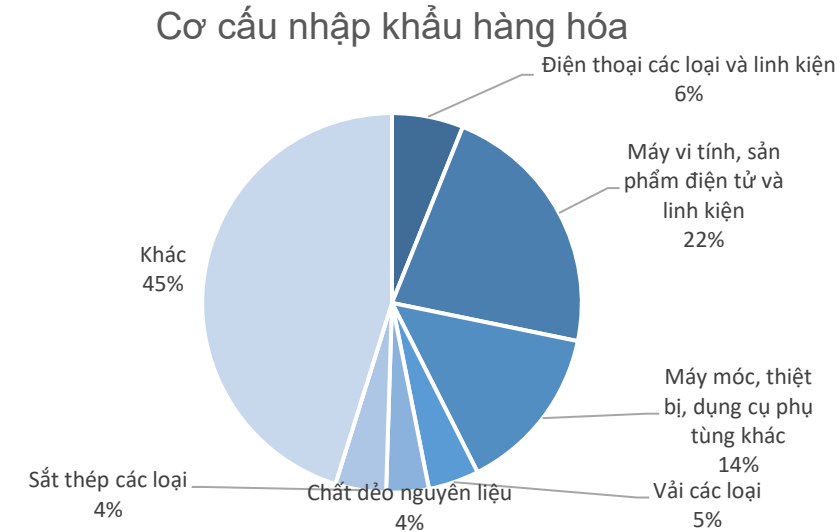


Cơ cấu xuất khẩu hàng hóa phân theo quốc gia



Thị trường xuất/nhập khẩu quan trọng

- Trong 9 tháng đầu năm:
- Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là mặt hàng nhập khẩu chủ lực của Việt Nam, đạt 53,8 tỷ USD (tăng 19,3 (yoy))
- Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu chính, kim ngạch nhập khẩu với Trung Quốc đạt 80,7 tỷ USD, tăng 40,1% (yoy).



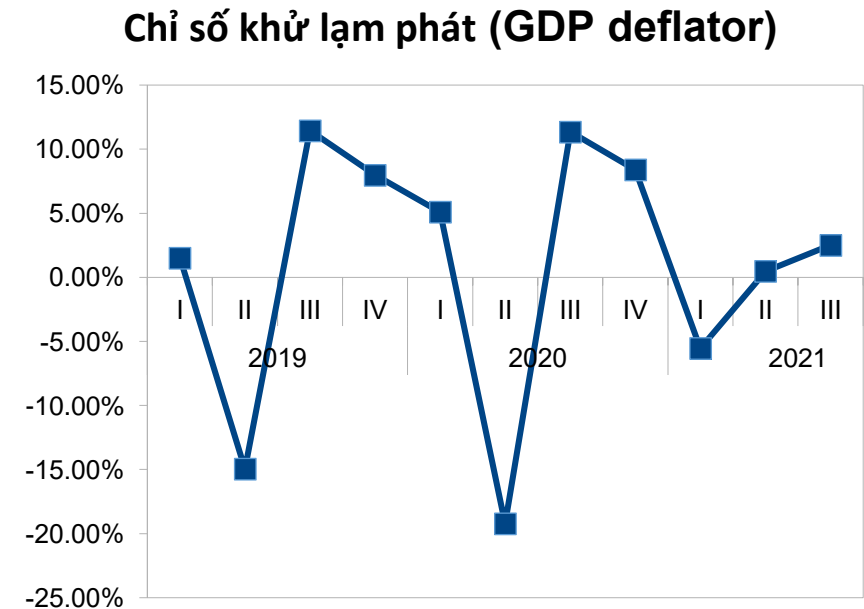
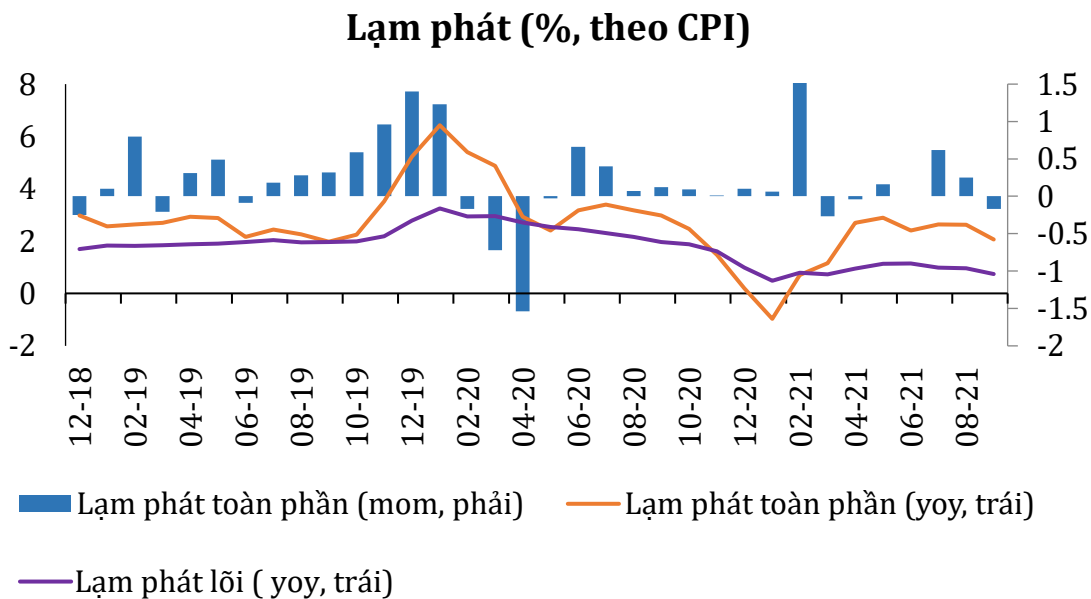
Lạm phát

- Chỉ số CPI trung bình của Quý 3 tăng 2,51% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0,93% so với quý.
- Tính chung 9 tháng đầu năm, CPI bình quân tăng 1,82% (yoy). Đây là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2016 – 2021.
- Các nhóm mặt hàng ghi nhận mức tăng mạnh nhất (yoy) bao gồm: (i) giá xăng trong nước (tăng 13,68% (yoy)); (ii) Giá dịch vụ giáo dục tăng 3,76% (yoy) do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ; (iii) Giá gạo tăng 6,47% (yoy) do giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán tăng và nhu cầu tích lũy của người dân trong thời gian giãn cách xã hội.
- Trong khi đó, hai nhóm mặt hàng có chỉ số giá tiêu dùng giảm mạnh nhất là nhóm Giá các mặt hàng thực phẩm giảm 0,29% (giảm 0,91% (yoy)) và (ii) Giá điện sinh hoạt bình quân 9 tháng năm 2021 giảm 0,99% do Chính phủ ban hành các gói hỗ trợ cho EVN nhằm giúp người dân và doanh nghiệp giảm chi phí sinh hoạt và sản xuất trong đợt bùng phát dịch lần thứ 4.

Lạm phát

Áp lực lạm phát có xu hướng gia tăng trong những tháng cuối năm do:

- Sự gia tăng mạnh của giá sản xuất trong thời gian qua sẽ dần được chuyển vào giá tiêu dùng.
- Sự đứt gãy trong chuỗi cung ứng do các biện pháp phòng chống bệnh dịch.
- Nhu cầu hồi phục nếu bệnh dịch được khống chế.

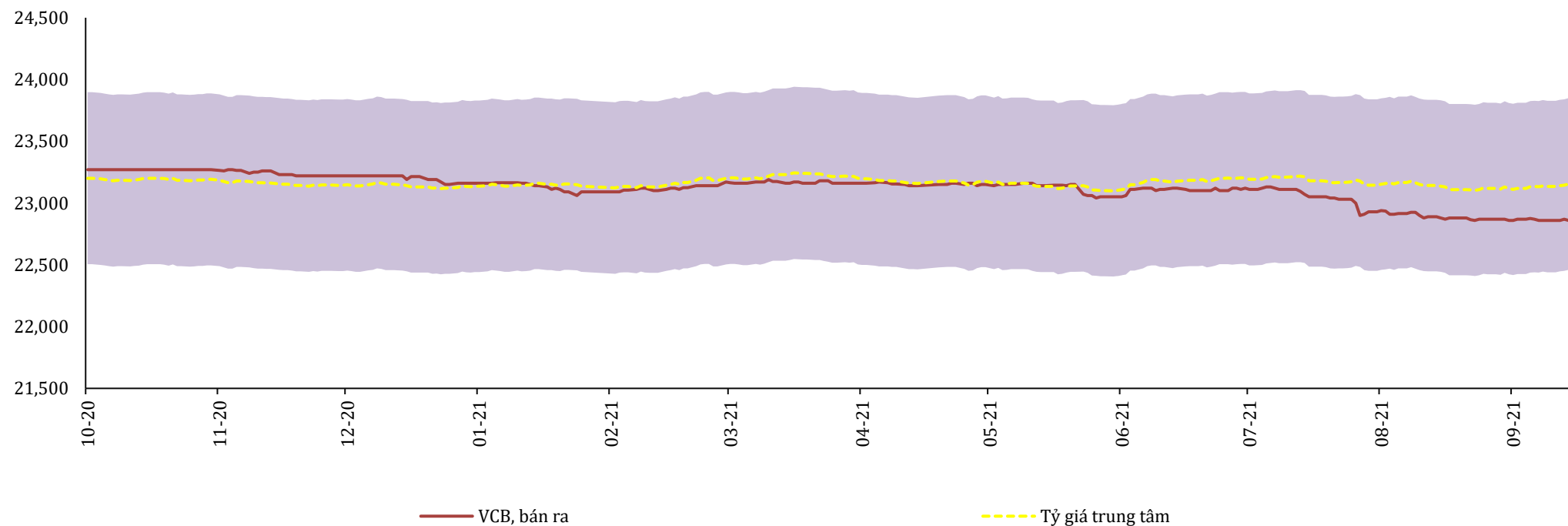


Cán cân ngân sách

- Theo Bộ Tài chính, tổng thu NSNN 9 tháng đầu năm 2021 ước tính đạt 1.077,4 tỷ đồng, bằng 80,2% dự toán và tăng 9,2% (yoy).
- Chi NSNN 9 tháng đầu năm 2021 ước đạt 1.030,5 nghìn tỷ đồng, bằng 61,1% dự toán, giảm 7,9% so với cùng kỳ năm 2020(yoy).
- Chi đầu tư phát triển đạt 218,5 nghìn tỷ đồng, đạt 45,8% dự toán và giảm 22,9% (yoy) so với cùng kỳ năm trước.
- Chi thường xuyên đạt 811,9 nghìn tỷ đồng, đạt 70% dự toán và giảm 2,0% so với cùng kỳ 2020.
- Tính đến ngày 01/10, gói hỗ trợ COVID-19 theo Nghị quyết 68 giải ngân được 15,3 nghìn tỷ đồng trong tổng số 26 nghìn tỷ đồng.
- Ngày 24/09, Chính phủ tiếp tục ban hành thêm Nghị quyết 116/NQ-CP nhằm tiếp tục hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi dịch COVID với tổng ngân sách là 30 nghìn tỷ đồng.

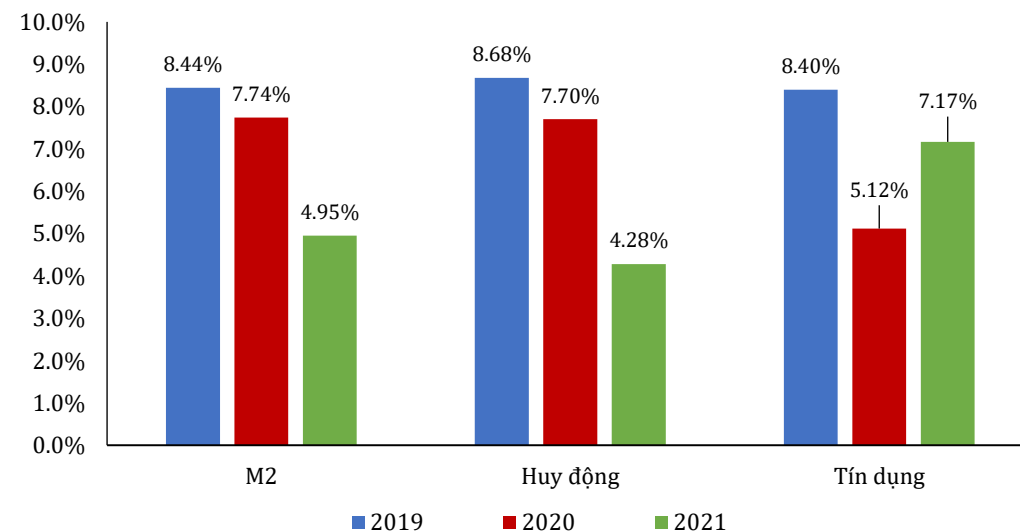
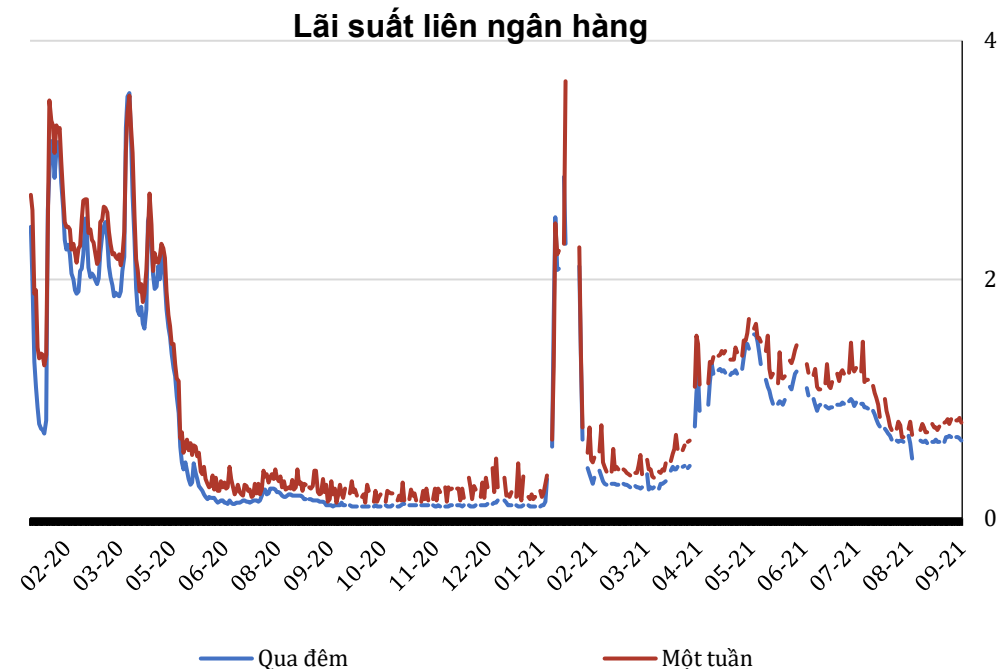
Tỷ giá VND/USD

- Tỷ giá VND/USD trong 9 tháng đầu năm 2021 tăng 1,5%.
- Tỷ giá trung tâm có xu hướng giảm nhẹ trong suốt Quý 3/2021, kết thúc quý ở mức 23.162 VND/USD. Tỷ giá tại các ngân hàng thương mại giảm từ tháng 7 và đạt 22.860 VND/USD vào cuối tháng 9.
- Tính đến ngày 20/09, VND đã tăng giá so với USD kể từ cuối tháng 7 cho đến nay do nguồn vốn FDI được giải ngân có xu hướng cải thiện.



Lãi suất

- Lãi suất liên ngân hàng ghi nhận giảm mạnh trong quý 3/2021, phản ánh trạng thái thanh khoản duy trì dồi dào ngay từ đầu quý.
- Cung tiền (M2) tăng 4,95% so với cuối năm 2020 (cùng thời điểm năm trước tăng 7,58%).
- Tốc độ tăng cung tiền chậm lại cho thấy Ngân hàng Nhà nước chưa sử dụng đến biện pháp bơm thanh khoản trên diện rộng và vẫn tập trung vào mục tiêu mở rộng tín dụng có chọn lọc, hàm ý là sẽ tiếp tục hỗ trợ người dân và các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch.



Thị trường tín dụng

- Tăng trưởng tín dụng trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt 7,17%, cùng thời điểm năm 2020 tăng 4,99%.
- Lãi suất huy động ngắn hạn bình quân đang ở mức 4,4%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa 4,5%/năm của NHNN.
- Tăng trưởng huy động tăng 4,28% (ytd), thấp hơn mức 7,48% cùng kỳ năm 2020 do lãi suất huy động vốn thấp.
- Tín dụng trong Quý 3/2021 đã bắt đầu tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm giải quyết những khó khăn trong Đại dịch.
- Tín dụng vào các lĩnh vực rủi ro như bất động sản, chứng khoán, ...; đang được siết chặt nhằm kiểm soát và duy trì mức nợ xấu dưới 3% trong tổng dư nợ cho vay, đầu tư.

Thị trường trái phiếu

- Tính đến hết 30/9/2021, thị trường TPCP tại HNX có tổng dư nợ đạt 1,43 triệu tỷ đồng, tăng 5,9% so với cuối năm 2020.
- Trong 9 tháng đầu năm 2021, khối lượng phát hành TPDN riêng lẻ là 233.684 tỷ đồng; tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2020.
- Nhóm các ngân hàng thương mại vẫn dẫn đầu với tổng giá trị phát hành đạt 13.860 tỷ đồng. Nhóm bất động sản xếp vị trí thứ 2 với tổng khối lượng phát hành 8.394 tỷ đồng.

Triển vọng kinh tế 2021 và các lưu ý chính sách

Triển vọng kinh tế 2021 (%)

- Sự bùng phát dịch trở lại đã làm nền kinh tế đối mặt sự đình trệ một lần nữa, đứt gãy chuỗi cung ứng....
- Nhiều bất cập phát sinh trong công tác phòng chống bệnh dịch (Thiếu chiến lược tổng thể/nhất quán và sự chuẩn bị cho các tình huống) gây tổn thất về người.
- Con số tăng trưởng tích cực trong 6T đầu năm không phản ánh hết những khó khăn của nền kinh tế, đặc biệt là đối với khu vực phi chính thức. Sức đề kháng của doanh nghiệp đang suy giảm nghiêm trọng, đặc biệt tại trung tâm kinh tế Đông Nam Bộ.
- Triển vọng tăng trưởng phụ thuộc lớn vào: (i) tốc độ và quy mô tiêm chủng vắc-xin; (ii) hiệu quả/phản ứng phụ của các biện pháp phòng chống bệnh dịch; (iii) các gói hỗ trợ và thúc đẩy tăng trưởng.
- Dù lạm phát chưa trở thành một mối đe dọa vĩ mô nhưng ổn định vĩ mô trở nên dễ tổn thương trong giai đoạn tới, khi ản số về khu vực doanh nghiệp còn mờ mịt.
- Nợ xấu có thể tăng mạnh là nguyên nhân tiềm tàng gây rủi ro cho hệ thống tài chính.
- Cần lưu ý các tình huống cực đoan để chủ động đối phó.

Dự báo các kịch bản tăng trưởng 2021 (%)

- Kịch bản xấu: Bệnh dịch có nguy cơ tái bùng phát trong khi Việt Nam. Tình trạng “đóng – mở” lặp lại ở một số nơi xuất hiện các ca nhiễm gây thiệt hại cho sản xuất. Một số đơn hàng tiếp tục rời khỏi Việt Nam do không đảm bảo được tiến độ sản xuất. Tình trạng thiếu hụt lao động có thể xảy ra do người lao động còn bất an. Chi phí tăng cao khiến nhiều ngành thu hẹp, đặc biệt là trong nông nghiệp.
- Kịch bản tốt: Cả nước thống nhất được các biện pháp thích ứng với bệnh dịch và vẫn đảm bảo sản xuất và lưu thông hàng hóa không bị đứt gãy. Các hoạt động sản xuất và tiêu dùng được hồi phục một cách chậm chạp nhưng chắc chắn. Các trung tâm kinh tế hoàn thành kế hoạch tiêm chủng ngay trong nửa đầu Quý IV. Tình trạng phong tỏa như trong Quý III không lặp lại.

	Tỷ trọng	2019	2020	9T 2021	Các kịch bản tăng trưởng GDP (%)	
					Xấu	Tốt
Nông, lâm và thủy sản	13,5-14,0%	2,01	2,68	2,74	2,0-2,5	2,7-3,2
Công nghiệp và Xây dựng	36,5-37,5%	8,9	3,98	3,57	3,0-3,5	4,0-4,5
Dịch vụ	38,0-40,0%	7,3	2,34	-0,69	(-1,0)-(-0,5)	0-0,5
GDP		7,02	2,91	1,42	1,0-1,5	2,0-2,5

Khuyến nghị chính sách

- Đẩy nhanh tiến độ và quy mô tiêm chủng về các địa phương;
- Thực hiện các gói tài khóa tập trung vào cung cấp trang thiết bị y tế và hỗ trợ người lao động mất việc (đặc biệt là khu vực phi chính thức) và KHI QUAY TRỞ LẠI ĐỊA PHƯƠNG;
- Thực hiện chính sách tiền tệ thích ứng (đáp ứng nhu cầu tín dụng của nền kinh tế nhưng kiểm soát tăng trưởng cung tiền quanh mức 10%) đi kèm các biện pháp kiểm soát rủi ro ở mức vừa phải.

Xin chân thành cảm ơn!

Câu hỏi và thảo luận

Trao đổi xin gửi về:

Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách,

Trường ĐH Kinh tế, ĐH Quốc gia HN

Tầng 3, Nhà E5, 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội